

## II. BỐN MƯƠI TÁM GIỚI KHINH

### 1. *Nêu chung*

***Phật bảo các Bồ Tát: “Ta đã nói xong 10 giới trọng, nay nói đến 48 giới khinh.”***

Giải thích:

*Khinh cấu*, nghĩa là tội này tuy nhẹ hơn mười giới trọng trước, nhưng năng lực nhiễm ô Bồ nguyện tâm địa cũng không phải nhỏ. Nếu không gấp cầu sám hối sẽ làm chướng ngại cho tâm địa, khó thành chánh quả. Nhưng trước khi sám hối cần phải biết tướng tội kia thuộc về căn bản, từng sanh, hay độc đầu.

Nếu y vào mười giới trọng trước, muốn làm mà chưa thực hiện nên chưa kết tội nặng. Nếu có tác tiền phương tiện khinh cấu, ấy gọi là *tùng sanh*. Nếu lỗi đã gây không từ mười giới trọng mà sanh, tự riêng khởi, gọi đó là độc đầu *khinh cấu*. Nay trong khinh cấu căn bản, lại có từng sanh nên làm lẫn các tội. Nếu trong 48 giới căn bản khinh cấu cố ý sai phạm, phải sám khinh cấu tội, phải tác pháp sám tội Đột-kiết-la. Ngoài ra, phạm lỗi tác tiền phương tiện phi oai nghi, ác tác (thân nghiệp). Nếu vô tình gây tội, chỉ phạm tội *Ác tác*, tự trách tâm. Nên kinh Giới Bồ chép: “Sai phạm đây do tâm nhiễm ô khởi tội, nên sám hối ác tác, nếu không sám hối thì chướng ngại giới Bồ Tát.” Khi sám hối cần phải biết đưa ra phương pháp sám hối thì tội mới tiêu diệt. Bởi vậy kinh Bồ Tát Ưu Bà Tắc Oai Nghi chép: “Nếu có sai phạm, phải hỏi người biết rõ pháp sám tội ác tác theo Tiểu thừa hay Đại thừa, để đúng như pháp sám hối.” Như Tỳ kheo phạm tội Đột-kiết-la (Trung Hoa dịch là *Ác tác*), luận về cách sám tội, cần phải tự biết rõ, ở đây không nêu ra nhiều.

## 2. *Nêu riêng*

### *Giới thứ 1*

## **KHÔNG KÍNH THẦY, BẠN**

*Nếu Phật tử lúc sắp lãnh ngôi Quốc vương, ngôi Chuyển luân vương hay chức quan, trước nên thọ giới Bồ Tát, như thế tất cả quý thân cứu hộ thân vua, thân các quan, chư Phật đều hoan hỷ. Khi đắc giới rồi, Phật tử nên có lòng hiếu thuận và cung kính. Nếu thấy có bậc Thượng tọa, A Xà Lê, những bậc Đại đức, đồng học, đồng hạnh, đồng kiến đến nhà, phải đứng dậy tiếp rước, lễ lạy, vấn tẩn, mỗi sự đều như pháp mà cúng dường, hoặc tự bán thân cho đến quốc thành con cái, cùng bầy báu, trăm vật để cung cấp cho vị ấy.*

*Nếu Phật tử sanh lòng kiêu mạn, sân hận ngu si, không chịu tiếp rước lạy chào, cho đến không chịu y theo pháp mà cúng dường, Phật tử này phạm tội khinh cầu.*

### Giải thích:

Sư trưởng chính là bậc mô phạm của trời người, bậc lương y mô phạm của thế gian. Giới thân của ta được sanh ra, trí tuệ của ta được nuôi lớn đều nhờ vào đạo lực của Sư trưởng, do đó phải biết kính thuận, không trái bỏ. Nếu ta sanh tâm ngạo mạn sẽ mắc tội lớn như biển cả.

Bạn là người có khả năng giúp cho ta vun bồi đức để tiến tu, các điều thiện do đây mà thành, muôn hạnh nhờ đây mà tiến. Như người muốn qua biển cả phải nhờ thuyền buồm, nếu bỏ buồm thì thuyền sẽ bị trôi hoặc chìm. Thế nên Như Lai dạy phải kính thầy và bạn như Phật.

Đoạn này nói các vị trước nên lãnh thọ giới Bồ Tát rồi mới thọ nhận ngôi vị, mục đích để giúp cho người đó trước nên lập đức để cảm hóa trời rồng, được quý thần ủng hộ, sau vua tôi mới an ổn, đất nước bình an. Phước của vua tôi, tức là phước của người dân một nước.

Phần khuyến thọ mười giới, trước để Quốc vương đứng đầu, sau tổng kết cũng để Quốc vương đứng đầu.

Nay phần giới khinh này cũng nói đến Quốc vương trước, bởi vì nếu vua chánh thì thiên hạ chánh, vua tốt thời sĩ thứ tốt, nên vua phải có sức giáo hóa, có lòng khuyến thiện. Nếu vua không thọ giới này thì tự mất lợi ích cứu hộ, lại tự thị mình là cao quý, có khi còn phá hoại Phật pháp, ngăn cấm các vị đệ tử Phật không cho xuất gia tu đạo. Giả sử đã thọ giới này rồi, còn sợ rằng tâm kiêu ngạo kia chưa dứt, không kính người có đức, nên Như Lai đặc biệt khuyên thọ. Năm chúng xuất gia đều tuân theo giới luật hành trì, tự mình biết kính thuận, nên đây chỉ nói sơ lược.

Do vua và bề tôi quần thần sùng kính Tam bảo mà thọ giới, được quý thần ủng hộ, thân thì Khang kiện, cõi nước an ninh, các tai họa lần lần tiêu dứt, gió thuận mưa hòa, nhân dân được lợi ích, nên kinh Tâm Địa Quán chép: “Nếu có bậc nhơn vương thành tựu chánh kiến, đúng như pháp trị đời, gọi là Thiên chủ, dùng thiện pháp của trời để hóa độ thế gian. Thiện thần các trời và Tứ thiên vương thường đến gia hộ, giữ gìn cung vua. Tuy ở nhân gian mà tu nghiệp lành, tâm thường phật công minh, bậc Thánh vương như thế gọi là Chánh Pháp vương.”

Trong kinh Đại Kim Quang Minh có bài kệ rằng:

Do chư Thiên hộ trì  
Cũng gọi là Thiên tử  
Chủ ba mươi ba trời  
Chia sức giúp nhơn vương  
Ngàn sao nương ngôi xoay  
Trời trăng không trái mùa  
Gió thuận đúng thời tiết  
Mưa tốt thuận thời hành  
Tất cả các thiên chúng  
Đầy khắp nơi cung vua  
Nên nhơn vương các ông  
Quên mình truyền chánh pháp

Dem pháp dạy chúng sanh  
Khiến cho họ an ổn  
Khiến tất cả thứ dân  
Tu hành mười nghiệp lành  
Cõi nước thường an lạc  
Quốc giới được an ninh.

*Chư Phật hoan hỷ* vì tâm địa giới này là ngàn Phật lưu truyền, vốn trông mong Phật pháp truyền thọ không dứt, nay vua, tôi, thứ dân kính thuận phụng trì, mọi người làm lành, mỗi mỗi Phật tử đâu không hỷ lạc ư?

Bậc Thượng tọa có hai:

1. Thượng tọa trong chúng Tăng, là người trên, không có ai cao hơn, nên ở vào trên ngôi vị Hòa thượng A Xà Lê của ta.
2. Thọ giới trước ta, cho đến trước một giờ, một khắc, một bóng nắng, ấy là Thượng tọa. Vua Bình Sa xưng Phật tử là bậc Thượng nhơn, nghĩa là Thượng nhơn này lớn hơn vua, tôi, thứ dân.

Trong Kinh Bát Nhã, Phật nói: “Bồ Tát nhất tâm hành đạo vô thượng Bồ đề, tâm không tán loạn, ấy gọi là Thượng nhơn.”

*A Xà Lê*, Trung Hoa dịch là Quĩ phạm. Quĩ phạm có nghĩa là Sư, vì người có khả năng, có khuôn phép dạy đệ tử trong năm chúng xuất gia.

Có năm bậc A Xà Lê:

1. A Xà Lê trao mười giới
2. Yết ma A Xà Lê trao cụ túc giới
3. Giáo thọ A Xà Lê
4. Y chỉ A Xà Lê
5. Dạy kinh giáo A Xà Lê.

*Đại đức* là tiếng tôn xưng cho người tu hành có đức hạnh thanh tịnh.

*Đồng học* là đồng do một thầy dạy pháp Đại thừa. *Đồng kiến* là tâm cùng chánh giải Đại thừa giáo. *Đồng hạnh* là thân đồng tu hạnh Đại thừa, tất cả những vị đến phải nghinh tiếp và lễ bái, cung kính khiêm tốn, tiến thời có chừng độ.

*Lễ* là lạy. Theo phép lễ thế gian có hai cách lạy: Hai lạy là tượng trưng cho Lương nghi, bốn lạy là tượng trưng cho Tứ tượng. Riêng cách lạy ba lạy tiêu biểu cho chí kính Tam thừa rồi quy y Tam bảo, lìa được Tam độc.

*Vấn tẩn* là thưa hỏi, trình bày lên. Lễ rồi sắc diện hân hoan vui mừng, tâm chánh niệm nhìn thẳng, hỏi thăm Ngài ít bệnh, ít não chăng? Đi đứng an lạc không? Như Kinh Trì Địa chép: “Đi đứng thông thả, tứ đại điều nhu, thức ngủ an ổn không?” Như thế, tùy thời thưa hỏi, việc này không nhứt định. Đây là điều tiêu biểu tôn kính giới pháp, phụng hành đạo hiếu thuận.

*Kiêu* là thân tâm phóng túng. *Mạn* là ý thị khinh người khác. *Si* là không phân biệt tôn ti phải quấy. *Sân* là trong bốn thứ phiền não trên đây, nếu trong lòng chỉ ôm một trong bốn tâm, liền đồng thời biểu hiện tướng bất kính, nên không đứng dậy nghinh tiếp, lễ bái, cúng dường.

Tân tu hạnh nghi gọi là *cúng*, có tâm nhiếp trì giúp đỡ gọi là *dường*. Lại nữa, đối với người dưới mền tặng người trên, gọi là *cúng*, kẻ dưới giúp đỡ bậc tôn trưởng gọi là *dường*.

*Tự bán thân* là biểu hiện tâm chí kính, tôn trọng pháp và người nói pháp, hết lòng thành kính cúng dường. Xưa ngài Thường Đề Bồ Tát được nghe kinh Bát Nhã, tự phát nguyện bán tim, gan, tủy, não để cúng dường Đại sĩ Đàm Vô Kiệt. Trong nhân địa tu hành, Thích Ca Như Lai, khi ấy là một người nghèo, được nghe kinh Đại Niết Bàn, mỗi ngày cắt thịt thân mình ba lượng, bán cho một người bệnh ghẻ lác để họ trị bệnh. Suốt một tháng như thế, Ngài lấy tiền ấy cúng Phật. Người đời nay, tuy

nghèo, nhưng lẽ đâu không có chút vật, cũng chưa ai chịu bán thân con trai, con gái. Vì tâm coi trọng tiền tài hơn chánh pháp, nên mắc tội.

*Bảy báu* là vàng bạc, lưu ly, xa cừ, pha lê, mã não, trân châu, hổ phách, v.v... *Trăm vật* là số lượng lớn chỉ cho vật cúng dường. Nếu không cung kính cúng dường như trên thì phạm tội khinh cầu.

Kinh Bồ Tát Ưu Bà Tắc Ngũ Giới Oai Nghi chép: “Dù có nói bao nhiêu lời mà không nghe, dù có gì hỏi han cũng không thật đáp, thì phạm trọng cầu tội. Nếu người không có ý mạn, sân, nhuế, si, mà chỉ do biếng nhác không ghi nhớ, tán tâm thì phạm tội khinh cầu. Nếu người bệnh khi nghe pháp, thuyết pháp hoặc trước cùng người khác nói, cho đến cố ý ủng hộ nhiều người nói pháp thì không phạm tội.”

## Giới thứ 2

### UỐNG RƯỢU

***Là Phật tử không được cố uống rượu, vì rượu sanh ra vô lượng tội lỗi. Tự tay trao chén rượu cho người, bị quả báo năm trăm đời không tay, huống gì tự mình uống ư? Cũng không được bảo tất cả mọi người và chúng sanh uống rượu, huống gì tự mình uống?***

***Tất cả các thứ rượu, Phật tử không được uống và bảo người uống, nếu uống hoặc dạy người uống, Phật tử phạm tội khinh cầu.***

#### Giải thích:

Rượu sanh ra các tội lỗi, chẳng những phạm 36 việc mà thôi, nên nói là *vô lượng*. Nếu bung bình rượu trao cho người uống, còn mắc quả báo năm trăm đời không tay huống gì tự mình uống, không chịu báo nặng nề ư?

Người uống rượu si mê điên đảo, sau khi chết phải đọa vào loài súc sanh, phải làm con ruồi ngu si, đói khổ, cho đến con giun, con đĩa, cá thu, các loại không tay v.v...

Kinh Quỷ Vấn Mục Liên chép: “Có một con quỷ hỏi: Tôi một đời nay không biết đã gây tội gì mà phải chịu quả báo ngu si?, Ngài Mục Liên trả lời: Khi người làm người, đem rượu dâng cho người ta, lại còn khuyên ép họ uống, khiến cho họ điên đảo, nay phải chịu họa báo và quả báo ở địa ngục.”

Kinh Chánh Pháp Niệm chép: “Nếu đem rượu tặng Tăng chúng, người thọ giới, người tu hành tịch tĩnh, người tâm đã tịch diệt, chứng thiên định, làm tâm đã tịch diệt, chứng thiên định, làm tán loạn tâm họ, phải đọa địa ngục kêu gào.”

Hỏi: Bồ Tát khi hành Đàn Ba-la-mật, có người đến xin rượu cũng thí cho, vậy là sao?

Đáp: Bậc Đại sĩ tu Lục độ Vạn hạnh, bố thí khắp cả, hễ có người đến xin, không trái với ý họ, để họ được đầy đủ, như Đàn Ba-la-mật tôi thượng mà trao.

Kinh Sở Vấn chép: “Khi Bồ Tát hành Bồ thí Ba-la-mật, nếu có người đến cầu xin vật cần dùng, phải nói: Hãy làm theo ta thì ta cấp cho. Nếu có người ưa thích rượu, liền sanh chánh niệm mà cùng họ uống. Sau đó phải khuyên họ bỏ hẳn. Bồ Tát thanh tịnh như thế, phương tiện nhiếp thọ chúng sanh. Nếu họ trong lòng ưa thích, không muốn dứt, thì Bồ Tát liền dùng những lời quở trách và nói những tai họa do rượu gây nên, nguy hiểm như lưỡi dao bén, quyết định phải xa lìa, không để cho nuôi tiếc tương tục. Bồ thí như thế thì không có lỗi. Đây là Bồ Tát quán sát căn cơ mà làm, khác hẳn hàng Thanh văn.”

Kinh Ngũ Giới Oai Nghi chép: “Bồ Tát vì người mà làm, từ việc nhận y đến trăm ngàn thứ khác đều theo người cư sĩ không phải bà con mà xin. Xin y thế nào thì xin bát cũng vậy. Vì người khác nên xin chỉ và dạy

người thợ dệt dệt y, chứa y Kiều-sa-gia, thu nhận vàng bạc, cho đến trăm ngàn việc như thế đều khác với hàng Thanh văn.” Bởi vậy Kinh Tỳ Ni Quyết Định chép: “Trì giới Thanh văn là phá giới Bồ Tát, trì giới Bồ Tát là phá giới Thanh văn.”

*Hoặc có người vì lòng riêng, bắt chước Bồ Tát thực hành bố thí nhưng lại tiếc của, chẳng chịu ban cho, cũng muốn học hạnh Bồ thí viên mãn, chẳng trái ý người xin, nhưng thực ra là làm bừa, chẳng khác nào khi vượn đeo chuỗi ngọc Anh lạc, rõ ràng chuỗi lấy thất bại, lẽ đâu tránh khỏi được khổ báo ngu si ở địa ngục kêu gào chẳng!*

*Tất cả mọi người là chỉ cho nam, nữ, già, trẻ, tại gia, xuất gia, người ở xứ khác, nước khác. Chúng sanh là chỉ cho phi nhơn và dị loại như quỷ thần, súc sanh, v.v... . Dạy người, chẳng phải người hay tự mình uống, cả ba đều phạm tội khinh cầu.*

*Tất cả các thứ rượu: như trong giới trọng đã giải thích. Kinh Luật ghi: “Ăn bã và hèm rượu có thể say, tùy theo mỗi miếng nuốt vào mà mắc tội, như có bệnh nặng, các thứ thuốc không thể chữa lành bệnh nên đức Như Lai vì bệnh khai cho, như trong luật Tỳ kheo và kinh Xá Lợi Phất Vấn nói rõ.*

Hỏi: Đã sanh vô lượng lỗi, tại sao Nghĩa Sớ ghi: “Không vì họa hoạn, thầy đều hứa cho?”

Đáp: Như có thể tránh khỏi lỗi này thì nên hứa. Xưa phu nhơn của vua Ba Tư Nặc là bà Mạt Lợi theo Phật thọ giới, lúc vua sắp giết quan đầu bếp, bà liền dùng rượu dâng cho vua. Vua và phu nhơn cùng nhau chung vui hoan hỷ, tâm vui nên quên việc giết vị quan ấy, hình phạt kia coi như không có. Sau đó Mạt Lợi phu nhơn đến chỗ Phật cầu xin sám hối, Phật dạy: “Uống rượu như thế được đại lợi ích nên không phạm giới.” Giả sử người mới được nghe lời nói này, mà không biết Mạt Lợi phu nhơn khéo dụng Quyền hạnh Bồ Tát, bắt chước học đòi làm, thời hậu quả khó tránh khỏi. Lại nữa, đời nhà Tề có vị Tăng tên Đàm Hiên, trong lúc say rượu đã tranh biện Phật pháp với bọn Hoàng Quan, khiến

vô lượng Đạo sĩ trở về quy y Phật, Phật pháp nhờ đây được phát triển mạnh. Nếu không phải là Quyền hiện Bồ Tát chớ giả dạng thói nông, chuốc họa không phải nhỏ.

### Giới thứ 3

#### ĂN THỊT

***Là Phật tử, tất cả thịt của mọi loài chúng sanh đều không được ăn. Luận về người ăn thịt mất lòng từ bi, dứt giống Phật tánh, tất cả chúng sanh thấy đều tránh xa, người ăn thịt mắc vô lượng tội lỗi. Vì thế Phật tử không được ăn thịt mọi loài chúng sanh. Nếu cố ăn, Phật tử này phạm tội khinh cầu.***

#### Giải thích:

Tất cả thịt đều do đoạn mạng chúng sanh mà có. Bồ Tát dùng lòng từ bi làm gốc, lợi ích chúng sanh làm bản hoài, từ bi bạt khổ, ban vui, lợi ích độ sanh, hạnh lợi tha rộng lớn làm lợi ích quần sanh, nếu ăn thịt thì hai hạnh đều trái, làm sao gọi là bậc Đại sĩ độ sanh?

*Cố ăn*, không phải là làm lỡ mà ăn. *Tất cả thịt của mọi loài chúng sanh*, không ngoài các loài cầm thú thủy lục, không hành, như các loài sò, hến, trai, ốc, thằn lằn, v.v... . Tất cả loài có mạng sống đều không được ăn thịt chúng.

*Lòng từ bi* là tâm Vô thượng Bồ đề, nếu đoạn dứt tâm này chính là đoạn dứt hạt giống Phật tánh. Một khi hạt giống đã dứt rồi thì cội gốc Bồ đề sao có thể thành? Chúng sanh thấy người ăn thịt thấy đều tránh xa vì tập khí sát hại chưa dứt. Như chim bồ câu lao mình vào đậu vai ngài Xá Lợi Phất, nó hết sức run sợ vì tập khí sát hại của Ngài vẫn chưa hết, huống gì ăn thịt chúng sanh. Khi hình sắc và tập khí dứt hết thì nó thấy, nó nghe, có thể không còn sợ hãi tránh xa nữa. Bởi vậy Kinh Lăng Nghiêm chép: “Thợ săn, đồ tể giăng lưới bắt chim cá, những người ác này, loài chó

thấy cũng kinh sợ, sủa cắn, các loài thú thấy đều chạy trốn. Người này khi dứt hơi thở cũng như quỷ La-sát, đến đây ắt sẽ giết ta. Vì để giữ gìn thân mạng, tất cả chúng đều chạy trốn, nên nói *thấy đều tránh xa*.

*Tất cả Bồ Tát* là chỉ cho tất cả người sơ phát tâm thọ giới, dù chưa đăng địa cũng đã đăng vị Bồ Tát địa, tự biết giữ giới, ăn thịt là vi phạm.

Kinh Lăng Nghiêm chép: “Phật bảo ngài A Nan: Người ăn thịt, giả sử được khai mở tâm, như Tam ma địa, đều là đại quỷ La-sát, rất ráo quả báo quyết chắc phải sa vào biển khổ sanh tử, làm sao có thể ra khỏi ba cõi được?”

Kinh Lăng Già chép: “Phật bảo Ngài Đại Huệ: Tất cả chúng sanh từ vô thủy đến nay thường là lục thân quyến thuộc với nhau, xả báo thân rồi thọ các thân cảm thú. Bồ Tát thấy chúng sanh đều là thân thuộc, cho đến khởi từ niệm, tưởng họ như con mình. Tất cả thịt các loài chúng sanh đều là tinh huyết ô uế tạo thành, người cầu thanh tịnh làm sao nỡ ăn thịt. Người tu hành từ bi tâm, trì chú thuật, cầu giải thoát, thú hương Đại thừa, nếu ăn thịt thì tất cả người trời cho đến các chúng sanh cũng tránh xa người ấy.”

Phật tử nếu ăn thịt, trong giấc mộng cũng không yên, bị ác quỷ, La-sát đoạt mất tinh khí, bệnh tật ngày càng tăng, sanh ra các tội lỗi, các công đức đều bại hoại tiêu tan theo ác nghiệp.

Trong Kinh có bài kệ:

*Không giải thoát sanh tử  
Vì giết hại chúng sanh  
Lấy tiền mua đủ thịt  
Cả hai là ác nghiệp  
Chết đọa ngục kâu gào  
Phải chịu vô lượng tội*

Có một con quỷ hỏi Tôn giả Mục Liên: “Tôi từ khi sanh ra đến nay, có rất nhiều con, tất cả đều đoan chánh, đẹp đẽ đáng ưa, nhưng lại chết yểu. Nghĩ đến sự chia lìa đó, thống khổ không thể nói, xin hỏi Ngài, không biết tôi đã gây nên tội gì mà nay phải chịu báo khổ này?”, Ngài Mục Liên đáp: “Khi người làm người, tâm ưa ăn thịt, thấy trẻ nhỏ sát sanh thì vui theo và còn giúp cho trẻ nhỏ cố đoạn mạng chúng sanh, vì ưa sát sanh nên chịu báo đau khổ, nay thọ họa báo, còn quả báo phải vào địa ngục.”

Như thế đủ biết, thấy người khác sát hại sanh tâm vui theo còn mắc quả báo như thế, huống gì tự mình giết hại, đâu thể tránh khỏi báo khổ.

## Giới thứ 4

### ĂN NGŨ VỊ TÂN

***Là Phật tử, không được ăn loại ngũ tân như: hành, hẹ, tỏi, nén và hưng cừ. Loại ngũ tân này gia vào trong tất cả các thực phẩm, đều không được ăn, nếu cố ăn, Phật tử này phạm tội khinh cầu.***

#### Giải thích:

*Ngũ vị tân*, kinh và luật đều gọi là không đồng, phần nhiều gọi là hành hẹ, tỏi, nén và hưng cừ. Nay kinh này đem hành chia thành năm thứ, cũng vì mỗi quốc độ có tên gọi khác nhau.

Tỏi (Đại toán) còn có tên là Hồ hành, do Trương Khiên đi sứ ở nước Đại Uyển đem về. Nay vật mà người ta thường ăn chính là hành của nước Hồ, được mang từ nước Hồ về. Trong Bản Chương ghi: “Hành nước Hồ là loại hành lá nhuyễn, đầu nhỏ như tim đèn, tợ cây tỏi lớn mà hình nhỏ.” Có một loại gọi là Sơn thông, sinh nơi nước đọng trong núi, cành nhỏ lá to, cũng gọi là Lạc sơn thông. Ở Tây Vực, tất cả các loại ngũ vị tân có nhiều thứ, nhiều hình loại chất vị khác nhau, đây không thể nêu ra hết, chỉ nêu ít loại mà thôi.

Tóm lại, tất cả các loại có chất vị cay nồng, đều không được ăn. Nếu hành giả ăn những thứ kể trên, có tác động kích thích tâm lý, sẽ sanh ý niệm không lành mạnh, đó là một chướng ngại lớn cho việc tĩnh niệm và hành thiền. Nếu tu hành tâm không chánh niệm thì con đường giải thoát làm sao đạt được.

Như trong Tây Vực Ký chép: “Các nhà Đạo sĩ ở Tây Vực, nếu người nào dùng ngũ vị tân phải ở riêng một chỗ. Giả sử có bệnh nặng, theo lời của thầy thuốc thì tạm dùng. Luật khai cho phải ở riêng chúng, phòng cá nhân biệt lập, sau bảy ngày xong rồi, phải tắm gội sạch sẽ, thay đổi y phục, mới cho vào chung ở với chúng Tăng.”

Kinh Lăng Nghiêm chép: “Ăn các thứ ngũ vị tân chất vị cay nồng có năm lỗi:

1. Ăn chín phát sanh tâm dâm, ăn sống phát sanh tâm sân.
2. Dù có thể nói mười hai bộ kinh nhưng các vị Trời và Tiên trong mười phương chê bai mùi xú uế kia, nên tất cả họ tránh xa.
3. Bị các naga quỷ liếm môi mép, thường cùng ở chung với quỷ ác.
4. Phước đức mỗi ngày mỗi tiêu dần, không lợi ích gì cho cuộc sống.
5. Bồ Tát và các thiện thần trong mười phương không đến ủng hộ. Đại lực quỷ vương thừa cơ hội đó, hiện làm Phật thân, ở trước mặt nói pháp, chẳng phải nói chê người hủy cấm giới của Phật mà quỷ vương tán thán khen ngợi tam độc “tham, sân, si”. Người ăn ngũ vị tân này sau khi mạng chung luôn luôn làm quyến thuộc của chúng, thọ báo quả kiếp ma hết rồi đọa vào Vô gián địa ngục. Nay do tâm dâm kia làm tăng trưởng tâm sân nhiễm ô “tâm địa giới”, các bậc Thánh, Hiền thấy đều xa lìa, nên kết tội khinh cầu. Cuối cùng đọa Địa ngục A Tỳ.

## Giới thứ 5

### KHÔNG DẠY NGƯỜI CÓ TỘI SÁM HỐI

*Là Phật tử khi thấy người phạm những tội như: Ngũ giới, Bát giới, Thập giới, phá giới, phạm Thất nghịch, Bát nạn, v.v... phải khuyên bảo người ấy sám hối. Nếu Phật tử chẳng khuyên bảo người phạm tội sám hối lại đồng ở chung đồng sống chung, đồng bố tát, đồng thuyết giới, không cử tội người ấy, không nhắc sám hối, Phật tử này phạm tội khinh cầu.*

#### Giải thích:

*Tất cả chúng sanh là trời, rồng, bát bộ, nhơn, phi nhơn, v.v..., người đã thọ giới Đại thừa, Tiểu thừa của Phật. Giả sử người không thọ giới mà có hành vi làm ác, làm việc phi pháp hay khuyến dụ người làm ác, phải liền dùng phương tiện quở trách, can gián, khiến cho họ dứt ý niệm hành vi xấu và hối lỗi kia.*

*Bát giới chính là tám pháp trai giới và tám giới trọng. Trong kinh Địa Trì gọi là sát, đạo, dâm, vọng, hủy, não, sân, báng. Ngũ giới là năm giới của cận sự nam và cận sự nữ. Thập giới là mười thiện giới của ba nghiệp thân, khẩu, ý và mười giới của Sa-di.*

*Hủy cấm giới là người đó sai phạm, hủy giới cấm của Phật mà mình đã lãnh thọ. Cấm là ngăn cấm. Đức Như Lai chế giới là để ngăn cấm tâm chúng sanh phóng túng theo trần cảnh, răn nhắc câu thúc thân khẩu ý nghiệp, nên cấm tức là giới. Giới phẩm tuy nhiều, nhưng không ngoài Đại thừa, Tiểu thừa (Thanh văn giới và Bồ Tát giới). Đại thừa, tam tụ chánh giới. Tiểu thừa, Bạch tứ Yết ma giới. Thất nghịch sau sẽ nêu ra.*

Bát nạn tức là tám nạn:

1. Địa ngục
2. Súc sanh
3. Ngạ quỷ

4. Trường thọ thiên
5. Bắc-câu-lô-châu
6. Mù, điếc, câm, ngọng
7. Thế trí biện thông
8. Sanh trước Phật, sau Phật.

Tám nạn này đều là chướng ngại đạo giải thoát. Vì không được gặp Phật nghe pháp nên gọi là nạn. Nhưng tám việc này đều do đời trước hành giả phạm giới mà gây ra, Phật dạy cho họ sám hối để khỏi mắc quả báo về sau. Nếu đời này phạm giới gây tội, đời sau ắt phải chịu báo khổ. Tám nạn này nên dạy cho họ phải sám hối. Như tạo các nghiệp sát sanh, trộm cắp, dâm dục, v.v... tất nhiên phải chịu báo khổ ở tam đồ (địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh). Tu theo ngoại đạo vô tướng định, thời chịu quả báo năm trăm đời ở cõi Trường thọ thiên, không biết gì đến Tam bảo. Gây phước báo ở thế gian, thời cảm nhận phước báo ở Bắc-câu-lô-châu. Tâm sanh tà kiến, không ưa nghe Phật pháp, thọ báo câm ngọng. Không tin Tam bảo, hủy báng Pháp sư, phải chịu quả báo câm, mù, điếc. Không tin pháp xuất thế gian, đả đảo trước mùi vị thế giáo, nên cảm thọ báo Thế trí biện thông (không tin chánh giáo và nhờn quả tội phước). Nghiệp nặng phước mỏng, không gặp Phật nên sanh ra trước Phật hoặc sau Phật.

Kinh chép: “Hủy báng Tam bảo, khinh hủy Thánh đạo, luận bàn hay dở, tốt xấu của người khác, tìm kiếm những điểm kém dở của người, lãn hiếp, vu khống người lương thiện, ghét ganh người hiền lương, thọ báo câm, ngọng, đui, điếc.”

Kinh Vấn Địa Ngục chép: “Cha mẹ và Sư trưởng gọi mà không trả lời, phải đọa trong loài ngạ quỷ điếc ở địa ngục, thường bị bàn chải áp sát lưỡi tội nhờn, trải qua hai trăm năm, sau được sanh làm người câm điếc.” Thế nên phải dạy họ ăn năn, sám hối để khỏi khổ báo về sau. Tất cả tội đã phạm dù khinh dù trọng, dù tánh tội, giá tội, đều dạy cho họ biết hổ, biết thẹn, như pháp sám hối, để không gây tội ác một ngày một thêm, đời sau phải đọa vào tam đồ vì phỉ báng pháp môn, trái với hồng nguyện hộ pháp lợi sanh của Đại sĩ.

*Đồng trụ* nghĩa là cùng ở trong một đại giới tu hành. *Đồng lợi dưỡng* là cùng một tăng đoàn, cùng thụ hưởng thí chủ lợi dưỡng, cúng dường.

*Bồ tát* nói đủ là Bồ sái đà. Bồ sái là trưởng dưỡng, Đà là tịch trừ, nghĩa là mỗi nửa tháng nhóm chúng thuyết giới, liền có thể nuôi lớn pháp lành, tự tâm thanh tịnh, trừ các niệm bất thiện, cấu uế.

*Một chúng thuyết giới* nghĩa là đồng trong một giới, tất cả chúng Tăng, nửa tháng đồng bồ tát thuyết giới, hoặc trong một đại giới có hai trụ xứ, đồng một thuyết giới mà riêng lợi dưỡng, vì nay không có trường hợp trên nên nói đồng lợi dưỡng, một chúng thuyết giới.

Không nêu tội họ mà chỉ có thấy, nghe, nghi ba căn, liền phải chỉ chỗ sai phạm của họ, dạy bảo nhắc nhở, khiến cho họ sám hối. Không cử tội, không nhắc nhở, không dạy, cùng Tăng hưởng lợi dưỡng, lạm dụng thọ của tín thí, thậm chí khiến cho họ mắc tội càng nhiều, lại trái với từ tâm, bi tâm, hộ tâm của Bồ Tát, nên tự mình mắc tội.

Kinh Niết Bàn chép: “Có Tỳ kheo trì giới, thấy người phá hoại chánh giới liền đuổi đi, quở trách trị phạt nhẹ. Phải biết người này được vô lượng phước, không thể tính kể. Nếu không quở trách đuổi đi hoặc cứ tội, phải biết người này là oán cừu trong Phật pháp. Nếu hay quở trách và đuổi đi, là đệ tử của Ta.”

Kinh Ưu Tắc Ngũ Giới Oai Nghi chép” Bồ Tát là gương mẫu cho nhiều người, thấy quyền thuộc làm điều không đúng. Pháp sư nên quở trách và đuổi đi. Nếu gặp người sân tâm và ác tâm, không quở trách, trị phạt thì Bồ Tát phạm tội khinh cấu.”

Kinh Ưu Bà Tắc chép: “Thà thọ ác giới một ngày, đoạn mất vô lượng mạng căn của chúng sanh, trọn không nuôi dưỡng đệ tử ác. Đệ tử tệ ác không thể điều phục được, vì có sao? Vì đây là ác luật nghi, tai ương tự chuốc vào thân không thể giáo hóa răn dạy đệ tử lỗi lầm, mới khiến cho vô lượng chúng sanh tạo tội lỗi, hay phỉ báng chánh pháp.” Lại nữa,

trong kinh Thiện Giới chép: “Bọn người Chiên Đà La cho đến đồ tể, tuy làm nghiệp ác mà không phá hoại chánh pháp của Như Lai, quyết không phải đọa trong ba đường ác, còn làm thầy mà không răn dạy đệ tử khi có lỗi sai quấy, thời phá Phật pháp, chắc chắn phải đọa địa ngục.” Bởi vậy, khi nêu tội họ, không được gấp rút vội vàng, cần phải hướng đến các bậc hữu đức trì giới ở trước người đó mà cử tội.

Trong Luật Tỳ Kheo, Phật dạy: “Muốn cử tội người khác, trước hết phải theo họ cầu thỉnh. Đại sĩ phải dùng từ tâm, nói lời nhu nhuyễn, nhẹ nhàng răn dạy họ, khiến cho người phạm sanh tâm biết hổ thẹn để quy phục. Nếu không như thế mà hướng người khác nói thì đồng với bọn người trước.”

Luật Tăng Kỳ chép: “Khi cử tội, không được hướng người khác cử, phải hướng đến vị Thiện Tỳ kheo cử tội. Nếu vị Tỳ kheo phạm tội, tánh hung bạo hoặc ý vào thế lực vua quan, thế lực hung ác của người ấy đều là nhơn duyên sanh khởi tâm đoạt mạng người khác.” Tự thương tổn phạm hạnh nên khởi niệm này, hành nghiệp tội ắt phải tự thọ báo quả, họ tự phải biết, dụ như lửa cháy, chỉ tự cứu lấy thân, đâu biết việc khác. Bấy giờ chỉ cần giữ gìn căn bản tâm tướng vô tội.

Kinh Địa Trì chép: “Nếu Phật tử, Bồ Tát, thấy các chúng sanh đời này, đời sau tạo ác nghiệp, do tâm hiềm hận, không vì chánh pháp nói, ấy là phạm. Nếu người không trí hiểu biết, hoặc không có khả năng, hoặc sai người có thế lực, có khả năng nói, hoặc phương tiện khiến họ điều phục, nếu khi ta thật lòng cử tội họ, mà họ có tâm hiềm trách ta, hận thù ta, như thốt ra lời ác bảo rằng, thọ pháp điên đảo, hoặc không tâm ái kính; nếu họ tánh hay lãng quên, bất định thì không phạm. Hoặc thấy người phạm lỗi đáng quở trách, đáng trị phạt nên diệt tận, mà không quở trách, không diệt tận, không trị phạt, như thế là phạm tội khinh cấu. Nếu không trị phạt người đó, thì không nên nói chuyện với họ, không nên răn dạy nhắc nhở hay khởi tâm hiềm trách giận hờn. Nếu sợ khởi việc tranh cãi hoặc thừa kiện nhau hoặc phá hoại tăng chúng, phải quán sát, thì không phạm.”

## Giới thứ 6

### KHÔNG CUNG CẤP, THỈNH PHÁP

*Là Phật tử, khi thấy Pháp sư Đại thừa hoặc những người đồng học, đồng kiến, đồng hạnh Đại thừa, từ trăm dặm, ngàn dặm đến nơi tăng phòng, nhà cửa, thành ấp, phải đứng dậy rước vào, lễ bái; ngày ngày ba thời cúng dường các thứ cần dùng như đồ ăn uống, giường ghế, thuốc men, tất cả đồ cần dùng dù đáng giá ba lượng vàng đều phải cung cấp cho Pháp sư. Mỗi ngày sáng, trưa và chiều thường thỉnh Pháp sư thuyết pháp và đánh lễ, không hề có lòng sân hận buồn rầu, luôn thưa thỉnh pháp không mệt mỏi, vì Pháp quên thân. Nếu Phật tử không như thế thì phạm tội khinh cấu.*

#### Giải thích:

Trước nêu Pháp sư Đại thừa, sau nêu đồng học, đồng kiến, đồng hạnh Đại thừa, ba bậc bạn hữu để làm thầy bạn Đại thừa. *Pháp sư* là người thông suốt tánh tướng kinh luật Đại thừa, nhân đến có khả năng giáo hóa chúng sanh khiến họ vào Phật địa.

*Trăm dặm, ngàn dặm* là nói xa để nhiếp gần, nghĩa là xa mà còn cung thỉnh, huông gì ở gần ư?

*Ba thời cúng dường* nghĩa là từ lúc mặt trời mới mọc cho đến cuối giờ thìn, đầu giờ tỵ là đúng Ngọ.

*Ba lượng vàng và trăm vị* là nói lên sự cung kính tột bậc mà không có bòn xén, biếng nhác, kiêu mạn. Người thọ nhận của cúng dường sanh lòng hổ thẹn, mới tiêu của tín thí.

Trong Tông Cảnh ghi: “Nếu người học Đại thừa Phật pháp, thọ nhận món ăn của thí chủ nặng như núi Tu di: thọ nhận y phục của thí chủ có

thể trải khắp trái đất, nếu người không học, chưa vào hàng Tăng chúng, thì khắp mười phương không có chỗ để nhỏ nước miếng.”

Ngài Vĩnh Gia nói: “Nếu người được sức giải thoát, không thể nghĩ bàn, hằng Sa-diệu dụng, nhận tứ sự cúng dường, tiêu vạn lượng vàng ròng, thân nát xương tan, cũng chưa đủ để đền đáp, nhưng chỉ cần thâu tử một câu liền vượt qua trăm ức. Tuy là như thế, nhưng biết thọ dụng vừa đủ mới không mắc lỗi. Bởi vì, người cung cấp trước là tự phát tâm cúng dường, còn sợ chưa đủ, nay theo sự cần dùng của thầy và bạn không nên trái ý niệm của họ, phải hết lòng cung cấp, tức là nói đến việc cúng dường ân cần.

*Thường thỉnh* là nói rõ chẳng phải một ngày hay một thời gian mà thôi.

*Ba thời* là trước giờ ngọ, sau giờ ngọ và tối. *Ba thời lễ bái* là nói tinh thần ưa pháp không tâm giải đãi, không nên thấy chút lỗi của Pháp sư mà sanh tâm sân, không nên hiềm chán lo lắng, phí tài sản sanh tâm buồn rầu, thân còn phải xả lìa, phải hoại diệt, đâu vì nản lòng lao nhọc về việc cung cấp Pháp sư mà sanh tâm thôi thất.

Nhơn địa tu hành của Như Lai xả thí toàn thân để cầu nửa bài kệ, khoét thân thể làm ngàn lỗ đốt đèn để thỉnh Pháp sư nói pháp, thí vợ con cho quỷ Dạ xoa ăn thịt, vì muốn nghe pháp yếu. Nên ngài Phổ Hiền Bồ Tát bảo Thiện Tài đồng tử rằng:” Trong pháp hội của ta, không có một câu văn, không phải xả thí ngôi vị Chuyên luân vương và tất cả vật sở hữu mà cầu được pháp này, hưởng gì vật ngoài thân ư?” Nếu tiếc thân, tiếc của thì không phải hạnh nguyện của bậc Đại sĩ vì pháp quên mình, lại trái với bốn tâm hiếu thuận cung kính giáo pháp nên phạm.

Kinh Viên Giác chép: “Chúng sanh ở đời mạt, muốn tu hành phải nên hết lòng trọn đời cung kính cúng dường thiện hữu tri thức. Phật tử muốn đến thân gần thiện hữu tri thức ấy, phải dứt tâm kiêu mạn. Nếu thiện hữu tri thức đi phải dứt tâm sân hận, quán cảnh thuận hay nghịch cũng như hư không, rõ biết tự tâm rốt ráo bình đẳng, cùng với chúng sanh

đồng thể không khác, tu hành như thế mới vào được cảnh giới Viên Giác.”

Sớ ghi: “Phàm thiện hữu tri thức độ người dùng các thứ phương tiện, tâm thầy trò khế hợp, mới truyền trao y pháp.” Bởi vậy, ứng cơ tiếp vật, nên Đại sĩ rủ lòng thương xót, thường gần gũi chúng sanh. Người ngu không biết, thường sanh tâm kiêu mạn. Kiêu mạn che tâm thì không thể nào vào đạo, nên nói cần phải đoạn kiêu mạn. Nếu gặp duyên khác, phải xa cách nhau liền sanh tâm sân hận, mới nói thân sơ, ta người, yêu ghét, đã sanh một niệm sân thì trăm ngàn muôn chương đều sanh khởi, chẳng cần luận bàn lỗi của đạo cũng đọa vào tam đồ, nên nói phải dứt tâm sân hận. Xét trong kinh Thí Dụ và các kinh khác, Tôn Giả A Nan trong thời quá khứ từng làm đũa trẻ bán hương, thấy một Sa-di đi khát thực, miệng tụng kinh kệ, nhân đó hỏi Sa-di, Sa-di đáp: “Thầy tôi ở trong núi học đạo và tu đạo, dạy tôi mỗi ngày lo kiếm một thúng gạo và tụng một bài kệ, nên tôi làm như vậy”, đũa trẻ lại hỏi: “Nếu không kiếm được gạo, mỗi ngày tụng bao nhiêu kệ?” Sa-di đáp: “Có thể tụng được mười kệ”, đũa trẻ nói:”Từ nay về sau đừng đi khát thực nữa, tôi sẽ đi xin thay cho” Sa-di vui mừng vì được yên tĩnh tọa thiền và học đạo. Đến khi đũa trẻ xin được chín đầu gạo, thử nghiệm kinh kệ của Sa-di, thấy Sa-di thấy đều thuộc lòng. Do phước báu này, đời sau đũa trẻ được gặp Phật, làm đệ tử đệ nhất Đa văn, đầy đủ tam minh, lục thông, được Phật truyền tâm ấn. Phải biết cung cấp cho Sa-di trì kinh, còn cảm được thúng gạo như thế, huống gì cúng dường bậc Sư trưởng, thiện hữu Đại thừa, thì phước báu thù thắng mà người hay thuyết pháp có được, ai có thể suy nghĩ luận bàn!

## Giới thứ 7

### GIẢI ĐẢI KHÔNG NGHE PHÁP

*Là Phật tử hàng tân học Bồ Tát, phàm chỗ nào có giảng kinh, luật, phải mang kinh luật đến chỗ Pháp sư nghe giảng và thưa hỏi, hoặc trong núi rừng, vườn cây, chùa, nhà, v.v... tất cả chỗ thuyết pháp đều*

***đến nghe giảng, học hỏi. Nếu Phật tử không đến nơi ấy nghe pháp và thưa hỏi thì phạm tội khinh cầu.***

Giải thích:

Giới trước nói Pháp sư đến, ta thưa thỉnh được lợi ích, giới này Pháp sư ở chỗ khác, ta nên đến đó nghe giảng, học hỏi. *Giảng pháp* là nói chung, thuyết pháp luận bàn nghĩa lý. *Luật*, tiếng Phạn gọi là Tỳ Ni, Trung Hoa dịch là Diệt, nghĩa là diệt trừ ba ác nghiệp (thân, khẩu, ý), còn gọi là Thiện trị, nghĩa là khéo hay tự trị tâm, nộ, si, cũng hay trị ác nghiệp cho chúng sanh. Đây đều từ công năng đặt tên, chẳng phải chánh dịch. Chánh dịch là luật, luật là pháp, đây từ Giáo đặt tên, nghĩa là xử đoán, khinh, trọng, khai, giá, trì, phạm, phi pháp, bất định.

*Tỳ*, Trung Hoa dịch là Khử. *Ni*, Trung Hoa dịch là Chơn, nghĩa là bỏ những gì phi pháp, sai quấy mà còn lại chơn thật. Chơn tức là bản nguyên tâm địa. Kinh luật đều gọi là Tỳ Ni, vì kinh tức là Phạm Võng giới kinh; luật là Tâm địa pháp luật và các giới tạng của Bồ Tát. Lại nữa, tất cả kinh điển Đại thừa, có nghĩa là diệt ác sanh thiện, nên cũng đồng gọi là Tỳ Ni.

*Tân học* nghĩa là hàng Đại sĩ mới thọ Tâm địa giới, việc học chưa xong, không biết quý trọng pháp, tự sanh tâm kiêu mạn, biếng nhác, đánh mất lợi ích lớn, hàng ngày không tấn tu, vui lầy tâm địa, nên đặc biệt khuyên nhắc cố gắng, nếu không thì mỗi ngày đều phạm tội khinh cầu.

Xét trong Kinh Trì Địa, không cần nói xa hay gần, còn trong Ưu Bà Tắc Giới Kinh nói: “Cách nhau khoảng một do tuần, thì không phạm.” Vì người tại gia, bao nhiêu công việc câu thúc thân, không thể đi xa nghe pháp được. Người xuất gia không bị hệ lụy, chuyên tâm huân tập Phật pháp làm sự nghiệp, sợ xa không đến được chính là tự biếng nhác, kiêu mạn, không có tâm trọng pháp nên phạm. Người lãnh thọ giới pháp siêng năng đi nghe giảng và thưa hỏi. Nghe là dùng nhĩ thức lắng nghe, thọ nhận. *Thọ nhận* là dùng tâm lãnh nạp đây chính là văn huệ và tư huệ. *Hỏi* tức là thưa hỏi, nghe rồi tư duy sâu sắc, tư duy mà không

thông đạt thì hỏi lại. Mỗi nghi được giải thích liền nương đó tiến tu, thể nhập pháp môn tâm địa của Đại thừa.

Trước nói, *tất cả chỗ* là chỉ chung chỗ Tăng và tục ở; kể nói *nhà ở rộng lớn* là chỉ cho vương cung, nhà quan, nhà thế tục, nhà đàn việt, nơi thỉnh Pháp sư giảng kinh. Nay nói, *tất cả chỗ thuyết pháp* nghĩa là người xuất gia ở trong núi, dưới gốc cây, chôn lan nhã yên tĩnh, Tăng già lam, v.v... các chỗ như vậy, nếu Phật tử không đến đó nghe giảng thọ học, không phải coi thường người, coi thường pháp mà chính là giải đãi nên mắc tội.

Kinh Bồ Tát Giới Bốn chép: “Hoặc bệnh, hoặc không có sức khoẻ, biết người ấy nói tráo trở lộn xộn; nếu biết những điều người ấy nói là điều mình thường nghe, hoặc đã nghe nhiều rồi ghi nhớ, hoặc tu thiền định không muốn lãng phí thời gian, không đến thì không phạm.

## Giới thứ 8

### TRÁI VỚI ĐẠI THỪA HƯỚNG VỀ TIỂU THỪA

*Nếu Phật tử có quan niệm trái bỏ kinh luật Đại thừa thường trú, cho rằng không phải của Phật nói ra, mà đi thọ trì kinh điển tà kiến và tất cả cấm giới của Thanh văn Nhị thừa cùng ngoại đạo ác kiến, Phật tử này phạm tội khinh cấu.*

#### Giải thích:

Quan niệm trái bỏ kinh luật Đại thừa thường trú, nghĩa là cho rằng Đại thừa giáo không được siêu việt, nên trái bỏ (bỏ Đại hướng Tiểu); giáo pháp của Tiểu thừa ngoại đạo thù thắng thực tế hơn, nên hướng đến (bỏ Đại hướng ngoại đạo).

Kinh luật Đại thừa, từ Xá Na tâm địa lưu xuất, tánh vốn thường trú, không sanh, không diệt, không biến đổi, đây chính là nhứt thật giáo mà

Như Lai diễn nói, chứ không phải pháp phương tiện quyền xảo, tùy việc mà chế.

Hàng phàm phu sơ học Bồ Tát, không rõ được Đại thừa, Tiểu thừa, chánh tà ra sao, nên nghi kinh luật Đại thừa chẳng phải Phật nói ra.

Nói là tâm, vì tâm muốn trái bỏ mà ý niệm chưa quyết định, miệng muốn nói mà lời chưa mở, lòng còn hoài nghi, nên phạm tội khinh cầu.

Nếu tâm hướng đến sự trái bỏ đã thành tựu, thì liền mất giới, hoặc lời hủy báng đã thốt ra, gây hại người khác thì phạm tội khinh cầu.

Nhị thừa tức là Thanh văn và Duyên giác. Thanh văn do nghe pháp Tứ Thánh Đế, chứng quả vô sanh, nên gọi là quả Thanh văn. Duyên giác do quán pháp mười hai nhân duyên (quán hoa rơi lá rụng), không có thầy mà tự ngộ, gọi là Duyên giác (tiếng Phạn là Bích Chi Phật).

Hỏi: Đã từ Như Lai nghe giáo chứng đạo, tại sao gọi là Ác kiến?

Đáp: Đức Như Lai quán sát biết họ căn cơ hạ liệt, trí cạn, chưa kham lãnh thọ Đại pháp, nên phương tiện tạm chỉ bày tiểu giáo. Họ nghe tiểu giáo liền sanh tâm nhằm chán sanh tử, đoạn dứt nhân khổ, ham quả tịch diệt của Nhị thừa, tu 37 phẩm trợ đạo, để cầu thủ chứng đắc. Như không biết pháp Đại thừa thường trú, xả bỏ tâm địa đại giới này, đi thọ trì đạo pháp cấm giới của Thanh văn, cũng không chứng đắc viên mãn cụ túc, nên Kinh Niết Bàn chép: "Hàng A La Hán không biết Tam bảo thường trú bất biến, dù có cấm giới cũng không được cụ túc viên mãn, không đắc đạo Thanh văn được, thế thì trái với thú hướng và ý chí của hành giả, cả Tiểu thừa và Đại thừa đều mất."

Đại Luận ghi: "Thà khởi tâm làm con giã can ghẻ lở, chứ không sanh tâm thú hướng Nhị thừa."

Tâm hung dữ là xấu ác, thân bệnh hoạn ghẻ lác, cũng không sanh niệm thú hướng Nhị thừa. Như kinh đã ghi: “Thà đọa đường ác mà được nghe tên Phật chứ không mong trường sanh bất tử ở cõi trời.”

*Tất cả cấm giới*, nghĩa là các giới hàng ngoại đạo thọ trì như: giới thờ bò, chó, ngựa, gà, v.v... Do kiến chấp của hàng ngoại đạo, họ cho rằng nếu tu khổ hạnh, sau khi xả báo thân sẽ được sanh vào cõi trời, hưởng phước lạc an vui, nên bắt chước thực vật (như cây cỏ) cam nhận ăn đồ phân ứ, tôn thờ thần lửa, thần gió, v.v... hoặc hớp không khí, hoặc đi một chân, hoặc chích đốt năm lỗ trên thân mình, hoặc tự đốt thân, hoặc bôi tro bụi lên thân thể, nằm lỏa hình, v.v... cho rằng định tĩnh tu hành hết khổ được vui; đến như đời mạt, uống nước lã, giữ chay tịnh, cho rằng đã tẩy trừ ngũ trược; hoặc nhịn đói 7 ngày, cho rằng không tịch, tứ đại gặp mùa đông lạnh, mùa hạ nóng, cho rằng lạnh nóng không còn xâm hại được đến thân. Họ tự thọ cấm giới tà kiến như thế, nếu chẳng phải ngu si thì cũng để mê hoặc người khác. Lại khởi lên các thứ vọng chấp, tạo lập ra các thứ sách vở, ấy là kinh luật tà kiến. Giới này ý Phật chế để ngăn cấm, nhắc nhở các Đại sĩ nếu trái chánh nhân tâm địa thì sẽ mất cực quả thành Phật, nếu học giáo pháp Nhị thừa, đoạn dứt Kiến hoặc và Tư hoặc để cầu chứng đắc Niết bàn, đốt thân diệt trí thì vĩnh viễn không thể thực hiện đại dụng lợi tha, nên Phật quở trách là ác kiến, ác nhân, chẳng phải nói giới Thanh văn không thể thọ trì.

Luận về tâm, thì Đại thừa và Tiểu thừa cần phải phân minh rõ ràng, nên nói: “Nếu khởi tâm một niệm Nhị thừa giáo thì phạm tội khinh cầu.”

Luận về giới, thì Đại thừa và Tiểu thừa đồng hành trì, nên kinh Niết Bàn chép: “Nghĩa của năm thiên bảy tụ, đều là luật nghi của Bồ Tát xuất gia.”

Phụ Hành Sự Sao chép: “Hàng Bồ Tát xuất gia có 6 phép hòa và 10 điều lợi ích giống hàng Thanh văn, còn sáu pháp Ba-la-mật và bốn Hoàng thế nguyện thì khác với hạnh của Tiểu thừa.”

Như hàng Bồ Tát tại gia thì Tam quy, Ngũ giới đều thú hưởng đến Bồ đề tâm, huống gì kinh Phạm Võng nói 84000 oai nghi, bảy chúng đệ tử Phật đều nương tựa, chúng sanh trong năm đường đều lợi ích, thì đâu thể chứa kẻ phá giới, mà xưng là Phật thừa.

Kinh Bồ Tát Giới Bản chép: “Nếu khởi lên lời nói như thế thì Bồ Tát không nên nghe pháp Thanh văn, cũng không nên thọ học.” Bồ Tát nếu không ứng dụng pháp Thanh văn làm phương tiện quyền xảo thì phạm tội, vì sao? Vì Bồ Tát còn học dị luận của ngoại đạo, huống gì pháp Thanh văn là lời Phật dạy. Nếu Bồ Tát có chuyên chú học Bồ Tát tạng, nhưng chưa được hoàn mãn thì không phạm.

Kinh Địa Tạng Thập Luận chép: “Phật nói: Nên tu học tất cả Tam thừa giáo, không nên sanh tâm kiêu mạn, dối gọi là Đại thừa, hủy báng pháp của Thanh văn, Duyên giác thừa. Ta trước vì hàng căn cơ Đại pháp khí mà tâm kiên cố tu hành nên nói lời như thế, còn nếu chỉ tu pháp Đại thừa, thì có thể được cứu cánh, bởi vì xưa và nay không trái nhau.”

Như Khế Kinh chép: “Vì muốn sách tấn họ tu hành kiên cố, khi họ đã tập pháp Tiểu thừa rồi thì nên khiến họ thú hưởng đến Đại thừa giáo, không nên trách họ bỏ Đại thừa hướng Tiểu, nhưng cũng không nên nói rằng pháp Thanh văn là tầm thường phải bỏ.” Nếu người có tâm hồ thẹn, chỉ e rằng hành trì còn không kịp huống gì lại chê bai. Do thế, người xuất gia trong 5 nước Thiên Trúc, trước hết đều học Tiểu thừa, sau mới học Đại thừa, để giúp họ biết nhơn quả tội phước thì mới tránh khỏi lỗi, bỏ có chấp không, biết rõ nguồn gốc thứ lớp giáo điển mới không làm tu và vọng chúng. Đây sợ rằng bậc sơ cơ mới học đạo, trí hiểu biết còn cạn hẹp, chưa hiểu thấu mật ý của Như Lai, mới nghe Phật nói các pháp như huyền, không thật, liền sanh tâm nhầm chán, cầu chúng đắc Niết Bàn. Tâm thủ xả sanh khởi, trái với phương hướng tu tập Phật đã dạy, dối vọng cho là phù hợp ý chỉ kinh điển là tự mình trói buộc mình trong nhiều kiếp. Nếu người nào chê giới Thanh văn không thọ thì đừng cạo tóc, mặc y hoại sắc, tác tướng Sa môn, mà nên để râu, để tóc dài, làm người thế tục, hành Bồ Tát đạo. Nếu ham mộ tướng kia mà bỏ giới luật, giả mạo vào trong pháp môn, cùng với Tăng chúng đồng sự để yết ma

bồ tát, thì gọi là Tặc trụ (tội này cùng với ngũ nghịch tội ngang nhau, sau không được thọ cụ túc giới, vì tổn hại Phật pháp chẳng phải ít, nên cần phải suy nghĩ).

Ngài Ma Ha Ca Diếp, đệ tử lớn trong hàng Thanh văn của Phật, thọ trì 250 đại giới và hành 12 hạnh đầu đà, nguyện trọn đời không xả, vì sao đức Như Lai khi sắp nhập Niết bàn, đem chánh pháp nhãn tạng phó chúc cho Ngài mà không phó chúc cho ngài Di Lặc và Văn Thù Bồ Tát? Vì Bồ Tát đã có tâm tùy loại hóa sanh, hóa hiện không như định, còn hàng Thanh văn là hàng trụ trì Tam bảo ở thế gian, nhờ đó mà Phật bảo và Pháp bảo hoằng dương, làm chỗ nương tựa cho trời, người.

Nên biết giới đức, trọng trách gánh vác chẳng phải thường, nếu coi thường giới Thanh văn, không hành trì thì mất ngôi Tăng bảo. Khi Tăng bảo mất thì Phật bảo và Pháp bảo cũng mất luôn (kinh nói như năng hoằng đạo là vậy), huống gì giới có công năng dứt ác sanh thiện. Hành trì một giới ngăn dứt được một ác nghiệp, sanh vô lượng thiện pháp, thế nên, hai vạn năm ngàn sông phước thường chảy vào. Hơn nữa, phải biết tâm rộng lớn thì giới lớn, tâm hẹp thì giới nhỏ, nên kinh Niết Bàn và Thập Bà Sa Luận khi nói về Thiên và Tụ chép rằng: “Hàng Bồ Tát Ma Ha Tát hành trì cấm giới, phải biết giới không có lớn nhỏ, tất cả đều do tâm kỳ vọng của người thọ trì.” Trừ ngoại đạo tà kiến ở thế gian, không một pháp nào không phải là Phật pháp, như nói tất cả cây cối, hoa lá trong đại địa đều là vị thuốc, huống chi là kinh pháp giới luật do chính kim khẩu đức Như Lai nói ra.

Kinh Viên Giác chép: “Tất cả chúng sanh đều chứng Viên giác nếu gặp được bậc thiện hữu tri thức, nên nương vào họ mà thiết lập như địa pháp hành. Như vậy, tu tập liền có Đốn hoặc Tiệm; nếu gặp Như Lai Vô thượng Bồ đề, con đường chánh tu hành, căn cơ không có lớn nhỏ, đều sẽ thành Phật quả.” Như kinh đã nói, mọi điều nghi hoặc liền tiêu tan, ngoài ra như giới thứ 24 nói rõ.

## Giới thứ 9

## KHÔNG SĂN SÓC BỆNH

*Là Phật tử, thấy người tật bệnh phải tận tâm cúng dường như cúng dường Phật. Trong tám phước điền, cúng dường là phước điền thứ nhất. Nếu như Cha mẹ, Sư trưởng, Sư tăng cùng đệ tử có bệnh, có tật, trăm thứ bệnh tật đau khổ, đều phải săn sóc cho lành mạnh. Nếu Phật tử vì tâm sân hận, không chăm nuôi, nhẫn đến thấy trong tăng phường, thành ấp, nơi núi rừng, đồng nội, đường xá, có người bệnh mà không lo cứu tế, Phật tử này phạm tội khinh cầu.*

### Chú thích:

Do mê mất tâm từ bi lợi tế của Bồ Tát nên không săn sóc bệnh, mất hạnh cung kính hiếu thuận nên không cung cấp cúng dường.

Tất cả người tật bệnh, gồm trên là Hiền, Thánh Tam thừa, Sư tăng, Cha mẹ, giữa là huynh đệ, bạn bè thân thuộc, dưới là đệ tử chúng tại gia, già trẻ, sang hèn, người tha phương khác nước, v.v... nhẫn đến các loài hạ đẳng cầm thú, súc sanh, thấy đều phải cung cấp thuốc men để điều trị như đối với Phật không khác. Bản hoài của Như Lai vốn là cứu độ sanh lão bệnh tử của muôn loài, nên Phật xuất hiện nơi đời, nay cúng dường người bệnh khiến cho họ được an ổn, đó chính là bản hoài của Phật, huống gì tất cả chúng sanh đồng một nguồn tâm, sẽ thành chánh giác, nên nói *như Phật không khác*.

Xưa đức Như Lai tự săn sóc Tỳ kheo bệnh, trước rửa sạch cầu uế, sau nói pháp yếu cho họ nghe, vị Tỳ kheo liền chứng đạo quả, như đó khiến cho trong tất cả tự viện, nhà bệnh đều vẽ hình tượng Như Lai tự đích thân khám bệnh, săn sóc. Người thọ giới Bồ Tát mà không cúng dường, không săn sóc bệnh thì thật trái với tâm thương xót chúng sanh của Bồ Tát.

Trong 8 phước điền, săn sóc bệnh là thứ nhất. Tám phước điền ấy là:

1. Chư Phật phước điền
2. Thánh nhơn phước điền (Tam thừa thánh)
3. Chúng Tăng phước điền
4. Hoà thượng phước điền
5. A Xà Lê phước điền
6. Cha phước điền
7. Mẹ phước điền
8. Người bệnh phước điền

Chư Phật, Thánh nhơn, chư Tăng, ba bậc này gọi là *Kinh điền*. Hoà thượng, A Xà Lê, Cha, Mẹ, bốn bậc này gọi là *Án điền*. Cúng dường người bệnh, gọi là *Bi điền*. Đối với 8 thứ phước điền này, cúng dường, bố thí thì sanh ra các phước lành như gieo trồng hạt giống được nảy mầm tươi tốt thì chắc chắn thu hoạch được kết quả, nên gọi là *điền*.

Trong 8 thứ ruộng phước, ruộng phước Phật là tối thắng. Cúng dường Phật được quả lành xuất thế gian, diệt trừ được vô lượng các nghiệp ác, cấu uế. Nay lấy việc săn sóc bệnh làm đệ nhất, nghĩa là Bồ Tát lấy việc lợi sanh làm chủ yếu, cứu khổ ban vui cho chúng sanh là việc cần thiết, nên không lựa chọn thân sơ, sang hèn, chỉ dùng tâm cứu tế, nên nói rằng: “Địa ngục vị không, thệ bất thành Phật” (Nghĩa là còn có chúng sanh nào ở địa ngục thì Bồ Tát chưa thành Phật). Lại nói, nếu có một chúng sanh nào chưa thành Phật thì Bồ Tát quyết chưa nhập Niết bàn, vì thế mà Bồ Tát đã thừa sự Chư Phật để cầu học tu tất cả pháp môn, cũng đều vì lợi ích tất cả chúng sanh, thế nên Bồ Tát dùng Bi điền làm đệ nhất.

Có tật, nghĩa là lục căn không đầy đủ, trong 6 căn, tùy theo thiếu một căn thì chúng sanh ấy khổ não vô cùng, hướng gì tứ đại chống trái nhau, trăm bệnh khổ não ép ngặt thân thể.

*Trăm bệnh*, là thân tứ đại gồm có 440 thứ bệnh, nay chỉ nói trăm bệnh là lược nêu một đại trong tứ đại mà thôi. Như các bệnh khổ làm loạn tinh thần, không thể tạm yên, nên nói khổ não.

*Cúng dường khiến cho lành bệnh*, là chỉ người nuôi bệnh, tùy sức mình, cung cấp cho bệnh nhân cơm áo, thuốc men, giường nằm, v.v..., nếu mình không đủ sức, nên đi khuyến hóa xin người khác giúp.

Trong Luật Tứ Phần ghi: “Săn sóc bệnh được công đức khi:

1. Biết người bệnh món ăn nào nên ăn, món nào không nên ăn, nên thì cho ăn, ngược lại thì không cho ăn.
2. Không nhờm góm nước dãi, phân và nước tiểu của người bệnh.
3. Có tâm từ mẫn, không vì cơm áo mà săn sóc bệnh.
4. Hay chế biến thuốc men cho người bệnh đến lúc lành hoặc mạng chung.
5. Hay nói pháp hoan hỷ cho người bệnh nghe, giúp thân họ được tăng trưởng pháp lành.

Tâm sân hận, là do ngày trước đối với người bệnh có hiềm khích, hoặc người bệnh hiềm trách sự cung cấp không vừa ý, từ đó sanh tâm sân hận, không vui, không thăm bệnh, trái với tâm bình đẳng của Bồ Tát là không phân biệt oán thân, không niệm nào xả bỏ chúng sanh cả. Nếu Phật tử có tâm trái bỏ như thế thì mắc tội, chẳng những đối với cha mẹ, sư tăng, người thân, mà ngay cả với người bệnh gặp nơi thành ấp, khi đi đường, nếu không săn sóc, chăm nuôi cũng mắc tội.

Nếu tự thân mình có bệnh, hoặc không có sức để giúp người bệnh vượt qua bệnh khổ, thì phải khởi tâm từ bi chú nguyện khiến họ được an vui, hoặc nhờ người khác hoặc khuyên người khác săn sóc bệnh nhân, hay nếu họ đã có người thân săn sóc, thì đều không mắc tội phạm.

Khế Kinh nêu rõ: “Người nhiều bệnh hoạn phải chết yểu, đều do đời trước gây nghiệp sát, duyên báo chưa đến, hay còn do những duyên khác hay chiêu cảm đến bệnh hoạn, như trong hàng đệ tử Phật, có Tôn giả Xá Lợi Phất, không vượt qua nổi khổ nhiều bệnh. Phật bảo: Vì ông nhiều đời khinh mạn Sư trưởng, Cha mẹ, không biết tôn kính cúng dường, nên phải chiêu cảm quả báo này.”

Luận Tỳ Ni Mẫu ghi: “Nếu cha mẹ nghèo khổ bản cùng, nên khuyên họ thọ Tam quy, Ngũ giới và mười điều lành, sau mới cung cấp tài vật cho. Nếu không nghèo, tuy có thọ Tam quy, Ngũ giới, mà đem cung cấp tài vật thì không hợp pháp. Nếu thí cho người bệnh, người bị giam cầm, người mang thai, trẻ nhỏ, phải dùng từ tâm tùy nghi mà thí, nếu thí một cách lầm lẫn thì bị đọa.” Đây nói tất cả tài vật của người xuất gia, đều là do tín tâm đàn việt hỷ cúng cho Tăng, chẳng phải bậc phước điền thì không kham thọ, còn Bồ Tát tại gia thì tùy ý mà thí.

Luận Tỳ Bà Sa ghi: “Nếu người có hiếu, có thể khiến cho cha mẹ phát lòng tin kính ngôi Tam bảo, thọ Tam quy, Ngũ giới, tập tu thiên định để phát sanh trí tuệ, ấy gọi là báo ân Cha mẹ một cách chân thật.

## Giới thứ 10

### CHỮA KHÍ CỤ SÁT SANH

*Là Phật tử, dù cho cha mẹ bị người khác giết cũng không được báo thù, huống gì lại đi giết hại tất cả chúng sanh. Phật tử không được cất chứa các loại khí cụ sát sanh như : dao, gậy, cung tên, búa, giáo, cùng những đồ sát sanh như: chài, lưới, sập, bẫy, v.v... Nếu cố cất chứa Phật tử này phạm tội khinh cấu.*

#### Giải thích:

Sát hại sanh vật thương tổn lòng từ bi, trái với tâm địa giới thể, trái với hạnh nguyện lợi sanh của Bồ Tát.

*Mâu*, như cái đánh có 3 góc; *tu mâu* dài hai trượng; *di mâu* dài hai trượng bốn thước, *dao trượng*, v.v... đều là binh khí nên gọi là khí cụ chiến đấu. *Võng la*, tức là lưới, được làm bằng dây chì hoặc chỉ gai, dùng để bắt cá hoặc giăng bắt các loài cầm thú gọi là khí cụ sát sanh.

Khi cù chiến đấu thì hại người, khí cù sát sanh thì hại vật, tất cả đều không nên cất chứa, nên nói “không được cất chứa” là vậy.

Thề không đội trời chung với kẻ giết hại cha mẹ mình là trái với hạnh từ bi bình đẳng của bậc Đại sĩ xuất gia, coi tất cả chúng sanh như cha mẹ mình, không nên để tâm báo thù.

Cất chứa đồ sát sanh là tiêm nhiễm nghiệp sát, trái với tâm hiếu thuận của Bồ Tát. Các thứ lưới chài, bẫy sập, đều làm tổn thương sanh vật, cầm thú, giới của Phật tử xuất gia hay tại gia, Phật đều cấm. Dao, gậy, cung tên, búa giáo là binh khí bảo vệ đất nước, xưa cho phép Quốc vương, Vương tử, Tướng sĩ, dùng không hạn chế, còn người chưa có trách nhiệm giữ nước, không cho tự do cất chứa, nếu cất chứa là phạm tội.

## Giới thứ 11

### ĐI SỨ

*Là Phật tử, không được vì quyền lợi và ác tâm mà đi thông sứ mạng cho hai nước hiệp hội, quân trận, đem binh đánh nhau làm cho vô lượng chúng sanh bị giết hại. Phật tử còn không được ra vào, qua lại trong quân trận, hưởng gì lại làm môi giới cho chiến tranh, nếu cố làm, Phật tử phạm tội khinh cầu.*

#### Giải thích:

Bậc Đại sĩ phải làm sứ giả của Như Lai, lấy việc an vui khắp quần sanh làm sở nguyện, không nên làm sứ giả của địch quốc, khởi tâm rình tìm tốt xấu, hay dờ dể tính kế mưu mô, yêu sách chiến trận. Nếu giết hại chúng sanh là trái với thiện tâm, tâm từ bi, tâm an ủi chúng sanh của Bồ Tát.

Bồ Tát quên mình vì lợi tha, nhớ nghĩ tất cả chúng sanh, không nên vì lợi dưỡng sanh ác tâm làm thông sứ hai nước, theo mệnh lệnh của hai

vua, giết hại chúng sanh không phải ít. Nếu thuyết phục cho hai nước chấm dứt giao chiến, làm cho cõi nước an vui, cứu giúp dân chúng, đó mới là quyền nghi của Bồ Tát, sanh ra vô lượng công đức.

Kẻ gây tai ách cho nhân dân, gây tổn hại cho cõi nước gọi là “giặc”. Trong quân trận chỉ luận bàn phương pháp chinh phạt, sát hại địch thủ, hàng Bồ Tát nữ nào nghe lời huyên náo ô uế, giày xéo tàn sát chúng sanh! Thanh văn lo tư lợi, Phật còn không cho, huống gì Bồ tát từ bi tâm lợi vật u?

Nếu dạy người khác chinh phạt hoặc muốn họ đánh nhau, đều thuộc về tội trọng, tùy theo mức độ sát sanh nhiều hay ít mà kết tội.

## Giới thứ 12

### BUÔN BÁN PHI PHÁP

***Là Phật tử, không được buôn bán người lành, tôi trai, tở gái, lục súc, quan tài ván cây, đồ đựng thầy chết, nếu Phật tử cố ý tự buôn bán, hay dạy người khác buôn bán các thứ ấy, Phật tử này phạm tội khinh cầu.***

#### Giải thích:

Tham tiền của, làm tổn hại sanh vật, mất bản tâm từ bi của Bồ Tát, tôn thương pháp môn, chẳng phải hạnh lợi tha của Bồ Tát. Phật cấm Phật tử không được mua bán người lành, tôi trai, tở gái, lục súc, thậm chí cả đồ đựng thầy chết, hòm, quan tài cũng không được mua bán, vì các hình thức mua bán có dụng tâm tham cầu lợi, đều trái với hạnh từ bi lợi tha của Bồ Tát.

Nếu mua bán người tất nhiên gây nên khổ não biệt ly trong quyền thuộc họ, đẩy họ phải chịu cảnh tội đòi hạ tiện, bị người hại, làm nô dịch cho người, còn bị đánh mắng khổ sở. Nếu mua bán súc vật, tất nhiên có sự

chết chóc, nấu rang, nước sôi lửa bỏng, thiêu đốt thảm khốc. Nếu mua bán quan tài, tâm mong nhiều lợi tức, đó là ác tâm, vô tình muốn cho nhiều sinh linh phải chết. Phật cấm tất cả Tăng và tục đều không được mua bán như vậy, nếu cố ý làm là phạm, còn mua bán việc tầm thường, không tổn hại sinh vật, thì Phật không cấm.

Kinh Ưu Bà Tắc chép: “Việc mua bán được tiền của, nếu chia làm 3 phần để:

1. Cúng Tam bảo
2. Cung cấp cho cha mẹ
3. Lo cho thân mình, vợ con, quyến thuộc.  
Thì đó là mua bán đúng pháp.”

Luận Tát Bà Đa ghi: “Thà làm đồ tể không làm nghề buôn bán.”, vì sao? Vì đồ tể tuy sát hại chúng sanh nhưng không dối gạt. Không luận là đạo hay tục, hiền hay ngu, trì giới hay phá giới, không có tâm dối gạt, nếu buôn bán thường ôm lòng dối gạt. Như mua bán gạo thóc, tâm thường tính toán mong được lợi tức cao, tất nhiên gây ra sự tổn kém cho người khác, đó là ác tâm. Tuy luật Phật không chế định điều này cho Phật tử tại gia, nhưng là Phật tử thì không được dối gạt người khác.

Phật đã dạy Phật tử phải nói lời chân thật. Nếu Phật tử không nói lời chân thật, đong đếm, cân đo không đủ số lượng, dối trá gạt người, đều mắc tội vọng ngữ, dối gạt người khác, khi được vật đem về mình rồi, mắc tội lường gạt, đồng như tội trộm.

Dạy người có 2 cách: Dạy người thay mình làm, hoặc dạy người tự làm, đều phạm.

Mua bán súc sanh, khiến cho chúng bị giết chết, hoặc khiến cho người ta bị khổ ép ngặt chết, đều phạm tội trọng. Nếu thay người mua bán súc sanh, lén giấu tiền của trị giá 5 tiền, thì phạm cả 2 tội là sát sanh và trộm cắp. Nếu thay người mua bán quan tài và dụ dỗ mua bán nô tỳ, lén giấu 5 tiền, đều mắc tội trộm. Nếu dùng tiền bán quan tài và gỗ ván dựng

thầy chết, đem thí cho người nghèo khó thì được phước vô lượng. Do lòng từ bi cứu giúp, tâm không cầu lợi, nên không phạm.

### Giới thứ 13

### HỦY BÁNG

*Nếu Phật tử vì ác tâm, đối với người tốt, người hiền lương, Pháp sư, Sư tăng hoặc Quốc vương và quý nhân, vốn vô sự mà hủy báng thì phạm tội thất nghịch, mười giới trọng. Với cha mẹ, anh em, lục thân phải có lòng từ bi, lòng hiếu thuận, nếu khởi tâm trái nghịch, hại họ, làm cho họ gặp tai ương, Phật tử này phạm tội khinh cẩu.*

#### Giải thích:

Khởi ác niệm hủy nhục người khác, không có tâm hiếu thuận, mất hạnh từ bi chẳng phải bồn hoại hoẵng nguyện lợi sanh, đại nguyện hộ trì chánh pháp của Bồ Tát. Hiểu rõ ác tâm, chẳng phải thiện, nên làm lợi ích cho người khác, do tham sân muốn phá hoại công đức danh lợi của người khác.

*Vô sự*, nghĩa là thực sự người ấy không có sai phạm, cũng không căn cứ thấy, nghe, nghi mà lại vọng sanh phỉ báng chê bai.

*Người hiền lương*, là người hiền có đức hạnh, thuần thiện, từ ái muôn vật. *Pháp sư* là thầy dạy tuyên dương Tam tạng Thánh giáo của Như Lai. *Sư tăng* tức Hòa thượng A Xà Lê, cho đến vị (mà) mình y chỉ một đêm ở, hoặc thọ học một câu chú, một bài kệ, nghe một lời nói pháp, đều gọi là A Xà Lê. Tăng là chúng Tăng. Quý nhân là Tam công, trăm quan. Những vị trên, trước đã thọ giới của Phật, nếu phỉ báng người thọ giới pháp, thì phạm tội khinh cẩu. Nếu chỉ lỗi và phỉ báng người chưa thọ đại giới, không luận là có căn cứ hay vô căn cứ, thì phạm trọng tội.

Kinh chép: “Các bậc thiện hữu tri thức trong thiên hạ, không ai bằng Sư trưởng. Nếu có thể trọn đời hành đạo, thì chỉ là tự lợi, chưa thể báo đáp được ân Sư trưởng. Cha mẹ tuy có công sanh thành dưỡng dục, dạy bảo nhưng không thể đưa ta ra khỏi ba đường ác, Sư trưởng mới là người dạy dỗ chỉ bảo tận tu, giúp ta xa lìa khổ sanh tử, được an vui Niết Bàn.”

Những người được Sư trưởng dạy bảo mà không chịu tin thọ, cho đến khởi lời nói ác, thốt lời phỉ báng, sanh ra phải quấy khiến Phật pháp suy vi, hủy báng Sư trưởng, ghét bỏ và tật đố với Sư trưởng, gọi là Đại ma trong Phật pháp, là hột giống của địa ngục.

Kinh Thiện Cung Kính chép: “Nếu đối với Pháp sư khởi tâm không cung kính, nói ra những gì tốt xấu của Sư tăng, đó là kẻ ngu si, nên đứng như pháp mà trị tội. Sư thật sự có lỗi còn không được nói, huống gì không có lỗi. Nếu người ở bên thầy mà không có tâm cung kính, sẽ bị đọa vào địa ngục tên là Thôi Phúc, một thân có bốn cái đầu, thân thể đều cháy hừng hực như lửa lớn bùng cháy rất mạnh, không lúc nào dứt. Hơn thế nữa, lại có móc câu, độc trùng kéo lưỡi người tội. Khi ra khỏi địa ngục, người này phải sanh vào loài súc sanh, thường ăn nuốt phân tiêu. Sau khi xả thân kia rồi, tuy được sanh làm người, phải ở nơi biên địa hạ tiện, da chẳng giống người, bị người khác khinh rẻ, phỉ báng, lãng nhục, lìa xa Phật pháp, nếu là Tăng thì không có trí tuệ. Từ nơi đó, sau khi xả thân rồi, trở lại đọa vào địa ngục chịu vô biên khổ não.”

Kinh Thần Biến chép: “Phật bảo Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát: Giả sử có người đối với hàng hà sa tháp miếu của Chư Phật, họ đều thiêu đốt phá hủy thì tội cũng không nặng bằng như đối với Bồ Tát tin hiểu Đại thừa mà khởi một niệm sân giận, lại thêm đánh mắng sỉ nhục, hoặc hủy báng, Bồ Tát này phải trải qua vô lượng A Tăng kỳ số kiếp ở địa ngục.”

Trong Luận Bồ Tát ghi: “Phật dạy nếu Bồ Tát khởi tâm lán hiếp người khác, ta nói người này đọa địa ngục không có hạn lượng, vì sao? Vì nếu Bồ Tát đối với vị Pháp sư, khởi tâm hủy báng chê bai, chính là xa lìa Chư Phật, hủy báng chánh pháp và Tỳ kheo, Tăng. Hơn nữa, nếu khinh các vị Pháp sư nói pháp, không khởi tâm tôn trọng, chính đối với Chư

Phật Như Lai cũng không sanh tâm tôn trọng.” Lại nữa, trong kinh Phát Giác Tịnh Tâm ghi: “Có 60 bậc sơ phát tâm Bồ Tát, đến dưới chân đức Thế Tôn khóc lóc thảm thiết, bạch Phật rằng: Chúng con nghiệp chướng sâu dày, xin đức Thế Tôn thương xót, vì chúng con phân biệt nói rõ, để chúng con biết rõ nguồn gốc tội lỗi không có tạo ác nữa. Phật dạy: Vào thời quá khứ trong pháp hội của đức Phật Câu Lưu Tôn, các ông là người xuất gia học đạo, thọ trì cấm giới, học rộng nghe nhiều, công đức tu hạnh đầu đà đầy đủ, nhưng các ông lại buông lung tâm ý, lần lần suy giảm công đức tu hành. Khi ấy có hai vị Tỳ kheo Pháp sư, bị các ông vu khống dâm dục để hủy báng, nhấn đến các vị đàn việt thân hữu Pháp sư, các ông cũng phá hoại và ly gián, bằng cách nói hai lưỡi để hủy nhục, khiến cho người khác sanh nghi hoặc, không sanh tín tâm. Khi có người kính tin tùy thuận Pháp sư, các ông làm cho họ đoạn mất căn lành. Do nghiệp chướng đã tạo, nên suốt thời gian 62000 năm, các ông bị đọa trong địa ngục A Tỳ, rồi 40000 năm trong địa ngục Đẳng Hoạt, 30000 năm trong địa ngục Hắc Thành, 800000 năm trong địa ngục nóng. Sau khi làm người, trong 500 đời, sanh ra bị mù không thấy đường, ám độn tối dốt, quên mất bản tâm, đóng kín cửa lành, thường bị người khinh khi, ghét bỏ, hủy nhục chỉ trích chê bai, thường sanh vào chốn biên địa nghèo nàn khổ sở. Từ đây, khi các ông xả mạng rồi, khoảng 100 năm sau thời kỳ chánh pháp đã diệt hết, các ông lại sanh làm người ở nơi cõi nước nhiều hung dữ, con người ở đó bần cùng hạ tiện, bị người khác phỉ báng, quên mất bản tâm. Sau 500 năm nữa, tất cả nghiệp chướng mới hết. Bấy giờ 60 vị Bồ Tát nghe Phật nói lời này rồi, tự xét lòng mình, lo sợ rợn tóc gáy, hướng về Phật cầu xin sám hối, lập đại thệ nguyện, ở bất cứ lúc nào, bất cứ nơi đâu cũng không còn dám khởi ra các lỗi. Khi ấy đức Thế Tôn nói kệ rằng:

*Chớ ở bên người thấy lỗi người  
Chớ nói phải quấy của người ta  
Đừng đả đấm việc người, lo mình tịnh  
Phải xả bỏ ngay những lời ác  
Xả bỏ, rời xa nơi ồn náo  
Tỳ kheo phi pháp chớ thân gần  
Tu hạnh đầu đà, Phật từng ngợi*

*Chẳng đả lợi nên được Niết bàn.*

Lục thân có hai dạng:

1. Cha mẹ ruột của mình, lục thân trong anh em chú bác.
2. Bạc Đại sĩ thường niệm tất cả chúng sanh là lục thân của mình, do tâm hiếu thuận nên không có việc nghịch báng, do lòng từ bi nên không bị đọa vào nơi khổ não, không như ý.

*Chỗ không như ý*, nghĩa là do lỗi rao bày cái xấu của người, nên thấy xấu hổ, ngày đêm không vui, thậm chí họ còn tự hại, vì lấp thanh danh của người kia, do việc không vừa lòng, luôn luôn buồn rầu, nên nói rằng đọa vào chỗ không như ý.

Giới trước nói tự khen mình, hủy nhục người khác và hủy báng Tam bảo, từ chỗ hủy báng người khác trong đó gồm cả ý tự khen mình, nên phạm tội nặng. Giới này chỉ riêng hủy báng người khác, thuộc về phạm tội khinh cấu. Trước gồm chung cả hủy báng Phật pháp, nay chỉ hủy báng Tăng đã mắc khổ báo vô cùng, huống gì hủy báng người có ân đức. Thí như xưa có một bé gái 7 tuổi, chê cười một vị Tỳ kheo tiếng nói như chim, mà phải 500 đời làm thân chim mù mắt. Người mẹ của bé gái ấy nghe Phật nói, bèn đem đưa con đến chỗ Phật cầu xin sám hối, vẫn không khỏi tội. Do tâm hủy báng là tánh tội, bất luận là thọ giới hay không thọ giới, đem tâm hủy báng đều chiêu cảm lấy ác báo. Nên Kinh chép: “Giữ miệng như giữ bình, giữ ý như giữ thành.”

Kinh Báo Ân chép: “Người đời ở thế gian, họa từ miệng sanh ra, mạnh hơn lửa dữ. Lửa cháy chỉ thiêu đốt tài sản mà thôi, còn lời nói ác thiêu đốt công đức nhiều đời. Lửa dữ ở thế gian chỉ thiêu đốt tiền của tài vật, còn ác khẩu thiêu đốt Thất thánh tài. Vì thế, tất cả chúng sanh thường phải dè dặt giữ miệng, lưỡi trong miệng như búa bén chặt đứt cái họa diệt thân. Vì thế, người xưa bảo rằng, môi như cung nỏ, tâm như dây cung, lời nói như mũi tên, bắn mãi trong đêm tối, đâu thể làm tổn thương người, chỉ tự bôi tro trát bụi vào mình. Nên Địch Ba Ly, thân sống phải vui lấp nơi địa ngục, đều do thốt ra những lời ác mà phải chịu ương báo

ở địa ngục. Mọi người phải biết, dù Tăng hay tục, phải sớm phản tỉnh, thận trọng tâm mình, giữ kỹ miệng, đừng để phải mang họa tai ương nhiều kiếp, có ăn năn hối lỗi cũng không kịp.

## Giới thứ 14

### PHÓNG HỎA THIÊU ĐỐT

*Nếu Phật tử vì ác tâm phóng hỏa thiêu đốt núi rừng, đồng nội, từ tháng 4 đến tháng 9, phóng hỏa cháy lan đến thành ấp, nhà cửa, tăng phường, ruộng vườn của dân và cung điện của quỷ thần, tài vật của quan chức. Tất cả chỗ có sanh vật, không được thiêu đốt, nếu cố ý thiêu đốt, Phật tử này phạm tội khinh cầu.*

#### Giải thích:

Kinh Lăng Nghiêm chép: “Tỳ kheo và các Bồ Tát thanh tịnh đi trên đường tắt còn không dẫm lên cỏ tươi, huống gì lại dùng lửa thiêu đốt, sát hại sanh vật hữu tình và vô tình, lỗi ấy chẳng phải nhỏ.”

*Ác tâm* là tâm bất thiện, tâm sân hận đối với người khác, cho đến các loài cầm thú ở trong rừng còn phóng hỏa để thiêu đốt.

Từ tháng 4 đến tháng 9, căn cứ vào địa danh phương Bắc thì đây là thời gian sinh sản của các loài côn trùng, cầm thú. Nếu ở phương Nam, khí hậu ấm áp hơn, mùa sinh sản của các loài côn trùng bắt đầu vào Đông – Xuân, và chỉ bị hạn chế vào tháng 12, khi thời tiết quá lạnh.

*Núi rừng, đồng nội*, là nói chung, nhà cửa, thành ấp, tăng phường, v.v... là nói riêng, nghĩa là tuy họ không có ác tâm thiêu đốt nhà cửa, nhưng do thiêu đốt núi rừng, tai họa lan đến nhà cửa của dân. *Ruộng vườn* là chỗ gieo trồng sanh ra các thứ lúa gạo ngũ cốc. *Tài vật của quỷ thần, quan chức* vốn là quan vật (luận về quan vật, lẽ ra có tài vật của vua, nhưng nói đến thành ấp là đã nói đến tài vật của vua quan rồi). Trong

Luận nói: “Tất cả cỏ cây là chỗ ở của quỷ thần, vì các quỷ thần đều nương nơi đây để làm cung điện, nhà cửa, nên Phật cấm Tỳ kheo không được phá hoại.” Hoặc nơi đồng trống, núi rừng, đồng nội, miếu thờ quỷ thần, cho đến cây cối. Các thứ đồ cúng đều là vật thuộc quỷ thần, như cung đình, hồ, miếu, trúc, cây, v.v... Nếu xin mà chưa cho liền chặt phá, liền bị chìm thuyền.

Tất cả vật như tường, vách, hàng rào, đất, củi mục, đều có côn trùng nương ở, nếu vì muốn trừ việc hổ lang rắn độc làm hại, thì Phật khai cho hàng tại gia. Cần phải quán sát thời gian, cân nhắc cẩn thận, nếu không thiêu, không gây thương tổn cho sanh vật thì không phạm.

Giới này nói về việc thiêu đốt núi rừng, nhưng không có tâm làm tổn thương sanh mạng nên phạm tội khinh cấu. Nếu do sân tâm, ác tâm mà thiêu đốt, gây tổn hại sanh vật, tùy theo số lượng sanh vật bị chết, mà kết tội. Có một con quỷ hỏi ngài Mục Kiền Liên rằng: “Tôi suốt một đời đến nay, thường bị hoạn nạn, thiêu đốt, đói khát, khi thấy sông Hằng, muốn vào trong đó để trừ nóng bức và sự đói khát, nhưng chạm vào nước thì thân thể bị tiêu hoại, da thịt lìa xương, uống vào một giọt nước thì ngũ tạng tiêu hoại, đau đớn không thể nói, không biết do tội gì mà gây nên báo này?”

Ngài Mục Kiền Liên đáp: “Khi ông làm người, ưa thiêu đốt núi rừng, sông ngòi, tàn hại chúng sanh, nên nay phải chịu họa báo.”

Xưa có một vị tiểu phu, thấy lửa đốt núi rừng, bèn đập tắt khiến cho dứt, thân sau được phước báo làm Phạm Thiên vương, thọ mạng trụ hơn một kiếp. Cứu lửa mà còn được thăng báo như thế, huống gì tâm ác thiêu đốt núi rừng, tội đâu tránh khỏi!

## **Giới thứ 15**

### **ĐẠY GIÁO LÝ NGOÀI ĐẠI THỪA**

***Là Phật tử, khi gặp đệ tử Phật, tất cả thiện tri thức, ngoại đạo, ác nhân, đều phải khuyên bảo họ thọ trì kinh luật Đại thừa, nên giảng cho hiểu nghĩa lý, khiến họ phát Bồ Đề Tâm, Thập Phát thú tâm, Thập Trướng dưỡng tâm, Thập Kim cang tâm, trong ba mươi tâm ấy, giảng cho họ hiểu pháp dụng tuần tự thứ lớp của mỗi pháp. Nếu Phật tử sanh ác tâm, sân tâm, đem kinh luật của Thanh văn Nhị thừa, cùng các bộ luận của ngoại đạo tà kiến dạy cho họ, Phật tử này phạm tội khinh cầu.***

Giải thích:

Ngoài giáo lý Đại thừa tức là tà giáo hoặc Nhị thừa. Ngoại đạo là tà kiến. Bồ Tát học Đại thừa Tâm địa pháp môn, mà không tự mình đem giáo pháp đã thọ để dạy người, ngược lại đem ngoại đạo tà môn, Nhị thừa tự lợi thiên kiến dạy người thì đọa vào đường tà, bỏ cái hạnh lợi tha, thì chẳng phải tâm từ thiện, tâm Đại thừa của Đại sĩ. *Đệ tử Phật* là nội chúng, do học nội giáo của Phật. *Ngoại đạo* là ngoại chúng, do học tập ngoại giáo. *Lục thân tri thức* bao gồm cả nội và ngoại chúng, vì họ có học nội giáo và ngoại giáo.

*Ác môn* là ngoại đạo tu pháp bất thiện, đem giáo pháp không môn quả để dạy chúng sanh, khiến cho họ lầm lẫn đọa vào ba đường ác và Nhứt-xiển-đề, thường không bao giờ ra khỏi.

Khế kinh chép: “Chúng sanh không có tà kiến, nhưng do không may gặp tà sư ác hữu mà thành tà kiến, nên phải lầm đọa vào ác đạo.” *Thiện tri thức*, là người bạn tốt hiểu biết một cách *tinh tường*, chẳng phải ông thầy mô phạm của *pháp môn*.

*Dù là hàng chánh đạo hay ngoại đạo*, đều phải dạy cho họ hiểu nghĩa lý, sau dạy cho họ phát Bồ đề tâm. Nếu không thọ trì thì đâu biết diệu lý ý vị Đại thừa, nghĩa lý không thông đạt thì sự phát tâm chẳng phải chánh pháp, tâm Bồ đề đã không phát thì chỗ hiểu biết chỉ là dối lường. Khi nào hành giả đạt được hạnh giải tương ứng, mới hy vọng chúng ngộ.

*Ba mươi tâm này* là hạnh ban đầu vào thánh vị, nên trước cần phải khai thị, rồi từ sự phát tâm đến kim cang tâm, mỗi mỗi vì họ mà giảng nói, khiến cho họ biết để tấn tu công dụng, nối dòng quả vị Tam bảo.

*Ác tâm* là tự khởi niệm bất thiện khiến người vào đường tà.

*Sân tâm* là do có sự xúc nã mà sanh tâm sân nộ, dạy bảo khiến họ vào đường tà, không chánh trực, nghĩa là pháp đáng dạy thì không dạy, pháp không đáng dạy thì dạy, họ muốn học giáo pháp Đại thừa mà trái lại dạy cho họ Tiểu thừa.

Do sân giận sanh tâm ác, không dùng chánh lý khai đạo, mà lại dạy giáo lý *Nhị thừa Tứ A Hàm, Ngũ Thiên Thất Tu, Tăng Khư Luận* là những thứ ngoại đạo tà kiến, (trong *Luận Đại Trí Độ ghi*: “*Ở Tây Vực, kinh và luật của ngoại đạo, có 18 thứ, đó là Tệ Ca Lan Na, Tăng Khư, Vi Đà, v.v...*”)

Kim Cang Bồ Đề Tâm Luận ghi: “Hành giả biết tất cả hữu tình, đều ở trong tánh Như Lai Tạng, đều kham nhận an trú Vô thượng Bồ đề, vì thế không đem pháp của Nhị thừa độ thoát cho họ.” Hàng Thanh văn chấp pháp Tứ đế, Duyên giác chấp pháp 12 nhơn duyên. Do biết Tứ đại, Ngũ ấm rất ráo phải hoại diệt, nên khởi tâm nhằm chán. Vì muốn phá tâm chấp của chúng sanh, siêng năng cần mẫn tu pháp này, mong chứng quả vị Vô thượng. Nhị thừa thú hướng đến Niết bàn tịch tịnh, cho là rất ráo, tuy đã phá được pháp nhơn không, nhưng còn chấp có pháp tu chứng, chỉ tĩnh ý thức, không biết gì khác, lâu ngày thành tự quả vị, để rồi đốt thân diệt trí, thú hướng đến Niết bàn, như hư không vắng lặng thường tịch. Nơi đây có định tánh, khó có thể phát sanh, cần phải đợi số kiếp mãn rồi, mới có thể phát sanh tâm tiến hơn lên. Còn không định tánh, không hạn luận kiếp số, gặp duyên là hồi tâm hướng Đại, ra khỏi Hóa thành, vượt khỏi tam giới, đó là nhờ nhiều đời tin sâu Phật pháp, liền được Chư Phật Bồ Tát, dùng phương tiện, nương đó phát Đại tâm. Trước hết từ Thập tín trải qua các cấp vị thứ lớp, qua vô số kiếp làm hạnh khổ khó làm, mới được thành Phật. Đã biết hàng Thanh văn, Duyên giác trí tuệ còn cạn hẹp, cũng không nên ham ưa. Hơn nữa, các ngoại đạo, v.v.. luyện tức thân mạng kia, hoặc trợ giúp thuốc men, nhằm

tạo cảnh giới thiên cung, trụ nơi thiên đình hoặc sanh trở lại cõi trời cho là cứu cánh. Hành giả nên quán sát những việc kia, nếu nghiệp lực đã hết, chưa lia 3 cõi, phiền não vẫn còn, tai ương nhiều đời chưa dứt, ác niệm lại khởi, liền chìm đắm trong biển khổ, khó có thể ra khỏi. Phải biết pháp của ngoại đạo cũng đồng với huyền mộng, ánh lửa. Vì thế, nếu chẳng phải là ác tâm thì không nên dùng tà giáo dạy học.

Nếu đem tâm lành đáp ứng đến sự mong muốn khiến cho họ đạt kết quả tốt, dùng phương tiện quyền xảo dẫn dắt họ qua pháp Tiểu thừa, sau khiến họ hướng tới Đại thừa, hoặc đem ngoại giáo dẫn họ vào nội giáo, đó gọi là trước dùng sự ham muốn để dẫn dắt, sau dùng trí để dứt các khổ thì không phạm. Kinh Hoa Nghiêm chép: “Ngũ địa Bồ Tát học trăm công kỹ nghệ để dẫn dụ vào Phật đạo.” Đây là Đại sĩ khéo léo dùng pháp Tứ nhiếp, để nhiếp thọ chúng sanh, chẳng phải ác tâm sân hận mà dạy trái kinh luật Đại thừa.

Kinh Anh Lạc chép: “Bồ Tát khéo dùng sức phương tiện vào trong dị học của ngoại đạo, để tùy thuận pháp của họ, thuận việc cầu cúng, quán sát chí thú của họ, mục đích để độ thoát họ, khiến cho họ gieo trồng vô lượng phước đức. Nếu Bồ Tát vào đó mà sanh tâm ưa đắm pháp dị học, thì thuộc về Tiểu giới trái với Đại thừa, hướng đến Tiểu thừa, không đúng với hạnh nguyện lợi tha của Đại sĩ.

## Giới thứ 16

### VÌ LỢI NÓI PHÁP LỘN XỘN

*Là Phật tử, phải tận tâm học kinh luật Oai Nghi Đại thừa, thông hiểu nghĩa lý. Khi thấy có hàng tân học Bồ Tát từ xa trăm dặm, ngàn dặm đến cầu học kinh luật Đại thừa, nên đúng như pháp mà nói, trước giảng giải tất cả khổ hạnh như đốt thân, đốt cánh tay, đốt ngón tay, nếu không đốt thân, cánh tay, ngón tay cúng dường chư Phật, thì không phải hàng Bồ Tát xuất gia. Nhãn đến xả thịt nơi tay chân, thân mình mà bố thí cho cọp đói, sư tử đói, v.v... và tất cả các loài quý đói,*

***rồi sau mới tuân tữ theo căn cơ của mỗi người mà giảng chánh pháp cho hàng tân học ấy được mở thông tâm ý. Nếu Phật tử vì quyền lợi, giảng kinh luật một cách điên đảo, văn tự lộn xộn, không có thứ lớp trước sau, thuyết pháp có tính cách hủy báng Tam bảo, Phật tử này phạm tội khinh câu.***

Giải thích:

Nếu không có tâm vì lợi dưỡng mà thuyết kinh văn một cách lộn xộn điên đảo, không riêng tư, nhưng làm khuấy lấp nghĩa lý nhiệm mầu của giáo lý Đại thừa, thì chẳng phải là phương pháp huấn thọ, mất phương pháp sư phạm, còn vì lợi mà tiếm pháp, thật là trái với hạnh nguyện hồng pháp của Bồ Tát.

*Hảo tâm* là chẳng phải tâm xấu vì lợi dưỡng. Bồ Tát vốn phát đại tâm thể hiện tinh thần tự lợi và lợi tha, nhưng muốn lợi tha trước hết phải tự lợi nên cần phải học Oai Nghi Kinh Luật, trong thì được chánh tâm, ngoài bày đủ oai nghi. Nên kinh chép: “Trì Tịnh giới thì phạm hạnh đầy đủ, đường đường Tăng tướng. Một vị thầy đầy đủ oai đức và uy nghi thì tất nhiên khiến cho người nể sợ, siêng năng tinh nhiếp thân tâm hợp thời, dung mạo khả quan thật là nghiêm chỉnh, đáng cho người kính trọng. Đây là đạo phẩm xuất gia, là bậc mô phạm của trời người. Bên trong ẩn chứa đức Sư tử, bên ngoài biểu hiện nghi dung của Tượng vương, thì nhận được sự tán thán của người, trời và long thần khâm phục.”

*Khai giảng ý nghĩa vi diệu, khai* là bày rõ, khiến cho người khác thông hiểu, không bị trở ngại, *giải* là khế ngộ không còn tâm nghi ngờ. Do thông đạt ý vị thâm sâu, khế ngộ ý vị nghĩa lý tông thú của kinh luật, nên mới thể hiện hạnh lợi tha, mới có thể cảm được sự lợi ích, nếu không thì chính mình cũng đã lầm lẫn và khiến cho người lầm lẫn theo.

*Đúng như pháp mà nói*, nghĩa là tất cả chúng sanh từ vô thủy đến nay, do ba nghiệp thân, khẩu, ý tạo nghiệp ác, ngũ nghịch tội, nay muốn thâm nhập giáo pháp Đại thừa, trước hết phải dạy cho họ, để họ sám hối tội.

Song các tội trước do ba nghiệp sanh ra, cần phải từ ba nghiệp mà sám trừ, nên khiến họ thiêu đốt ngón tay để diệt tội kia. Khi tội diệt hết thì chướng ngại tiêu trừ, nghe pháp liền được tâm khai, ý hiểu, chứ không phải Phật thọ nhận sự cung kính này, khiến cho chúng sanh sanh đại thống khổ. Huống gì tâm sám hối, đâu mạnh mẽ bằng tâm tạo tội, nếu có thể đốt chân, đốt tay, thì tâm tội tiêu dứt không còn.

Lại nữa, do chúng sanh đời đời tham lam bòn xén, nên không có thể giải thoát khỏi con đường sanh tử, nay khiến họ xả thân mạng làm món ăn cho các quỷ thú, tuy tổn mình làm lợi cho chúng sanh, nhưng đó là bồn hoại của bậc Đại sĩ. Như Vương tử Ma Ha Tát Đỏa, xưa đem thân hiến cho cạp đói, chí thành cầu đạo chánh giác. Nên kinh chép: “Tất cả Đại địa, bất cứ chỗ nào dù nhỏ bằng mũi kim châm, không nơi nào mà không có đức Như Lai xả thân mạng.” Huống gì thân tâm ngũ uẩn này vốn tự thể không tịch, không có Ngã và Ngã sở. Chúng sanh do không liễu ngộ, vọng chấp Ngã, nay muốn khiến cho họ thấu đạt ngũ uẩn thân vốn không, xả bỏ nó như bỏ giày rách, thế nên, trước vì họ nói các hạnh khổ để mở rộng tâm trí giác ngộ và tâm Bồ đề vững chắc, nguyện cầu giải thoát kiên cố, tỏ ngộ ngũ uẩn không thật, xa lìa Ngã chấp, bước đầu tấn tu trong sáu độ là Đàn Ba-la-mật (bồ thí), trên cúng dường chư Phật, dưới bố thí chúng sanh, thành tựu Kính điền và Bi điền, đó là con đường vào Đại đạo, sau mỗi mỗi theo thứ lớp nói chánh pháp ba mươi tâm (thập trụ, thập hạnh và thập hồi hướng), khiến cho tâm khai mở thông sáng, ý được giác ngộ, thì chứng đắc quả vị không khó. Đây là thuận chánh lý mà nói, không nói lộn xộn, mất thứ lớp.

Nay không nói Bồ Tát tại gia, vì vua tôi có Quốc chánh, sĩ thứ ắt có cung cách tại gia, nước nhà thoát được, bốn đại đâu thể quên. Phàm phu sơ học dù chưa được tánh địa, chưa sanh huệ giải, chưa xả được thân, nhưng việc khổ hạnh không thể không biết.

Hỏi: Đã xả thân mình rồi, lấy ai thuyết pháp giáo hóa cho chúng sanh?

Đáp: Đây muốn nói thân còn không tiếc, huống gì cầu mong lợi dưỡng mà nói pháp một cách điên đảo, cũng muốn nói rằng trước thí món ăn,

khiến cho họ sanh tâm ham vui, sau được nghe pháp thì pháp hỷ sung mãn. Như ngài Xá Lợi Phất đem cơm dư bồ thí cho con chó đói, khiến cho nó dứt khổ đói khát, tâm được an vui, rồi sau vì nó nói pháp yếu, sau khi chó ấy mạng chung, sanh vào nhà Bà-la-môn, tu hành đến thành quả A La Hán.

Nếu trước có hứa thí cho và sau được nghe pháp rồi mới xả thân mạng, đây chính là Tài và Pháp, cả hai đều thí, mới xứng là bản tâm của bậc Đại sĩ, đâu có thể vì tài lợi mà tiếc lẩn pháp, thật là trái với hạnh nguyện của Bồ Tát.

Đoạn văn này chia làm ba phần:

1. Vì lợi dưỡng, nói một cách không thuận chánh lý, còn có tâm lẩn tiếc.
2. Vì lợi dưỡng, nói một cách điên đảo lộn xộn, không có thứ lớp trước sau, cãi sửa văn nghĩa kinh luật, trước sau không thứ lớp, không rõ ràng.
3. Vì lợi dưỡng hủy báng giáo pháp Đại thừa, trái bản nguyên tâm địa của Phật, trái nghĩa lý kinh điển, tông thú Đại thừa, đây là hủy báng Tam bảo.

Như mười giới trọng trước, do hủy báng Tam bảo nên kết tội trọng, nay chỉ giấu giếm, đáp bậy giảng bừa, nên phạm tội khinh, cảm lấy báo quả như Pháp sư ngồi tòa cao trong Kinh Tăng Hộ, cần nên xét kỹ.

## Giới thứ 17

### CẬY THỂ LỰC KHUYÊN GÓP

*Nếu Phật tử tự mình vì việc ăn uống, tiền của, lợi dưỡng, danh dự mà thân cận Quốc vương, Vương tử cùng các quan, nương quyền, cậy thế bức người để lấy tiền của hoặc dạy người khác cầu lợi như vậy. Tất cả sự cầu lợi ấy gọi là ác cầu, đa cầu, đều không có lòng từ bi, lòng hiếu thuận, Phật tử này phạm tội khinh cầu.*

Giải thích:

*Tự tâm* là chẳng phải vì mọi người mà làm, mục đích vì ăn uống cá nhân, v.v..., việc làm đó là trái đạo, dù việc làm quên mình vì chúng cũng không ý thể cây thân. Tuy quên lợi cá nhân nhưng cũng không nên cầu tiếng khen. Từ tâm của bậc Đại sĩ là thương xót những người bần cùng cô quả, thường suy nghĩ ban ân cho người khác, coi tất cả chúng sanh như Cha mẹ mình, thường nên khiêm cung từ tốn, dùng đạo từ hiếu để tu, đâu phải nương cây thế lực Vua quan hào quý, phi lý để tìm cầu lợi dưỡng. Thậm chí còn biểu hiện thế lực để áp bức đánh đập, áp bức để lấy tài vật. Lại lôi kéo thêm nhiều thống khổ, khiến cho người khác hành động không thuận với chánh đạo. Tất cả sự cầu lợi như thế là bất thiện nên gọi là *ác cầu*, tìm cầu không biết đủ. Người tu hành phải thiếu dục tri túc, nếu không như thế là *đa cầu*. Hoặc dạy người khác ý thể, cậy quyền xin cho mình, rồi tự mình đòi lấy, hoặc giả mượn sắc lệnh, hoặc truyền thế lực hào tộc, tất cả đều phạm.

## Giới thứ 18

### KHÔNG HIỂU MÀ LÀM THẦY TRUYỀN GIỚI

***Phật tử phải học mười hai phần kinh, thường tụng giới mỗi ngày sáu thời, nghiêm trì Bồ Tát giới, hiểu rõ lý tính, Phật tính của giới. Nếu Phật tử không hiểu một kệ, một câu cùng nhân duyên của giới luật mà dối rằng thông hiểu, đó chính là dối gạt mình và cũng dối gạt người khác. Không hiểu một pháp, không biết một luật mà lại đi làm thầy truyền giới cho người, Phật tử này phạm tội khinh cầu.***

Giải thích:

Làm bậc thầy mô phạm trước hết phải học Tam Tạng giáo điển, thông suốt mười hai phần kinh, lầu thông giới luật Bồ Tát, y vào giới luật hành trì, thâm hiểu nghĩa lý của luật, khế hợp bốn nguyên trung đạo và tánh

tông Phật tánh, khiến cho người khác tránh khỏi làm lẫn, rớt vào Thiên không Niết bàn của hàng Thanh văn và tánh vọng chấp Đoạn, Thường của ngoại đạo. Kinh Niết Bàn chép: “Phật tánh chính là Đệ nhất nghĩa không. Đệ nhất nghĩa không còn gọi là Trung đạo, là Phật tánh, là Đại Niết bàn.”

*Mỗi ngày sáu thời* (ngày ba thời, đêm ba thời) là ngày đêm chuyên cần tinh tấn đủ sáu thời, tinh chuyên tụng tập cho thuần thục thông lâu, hiểu rõ cùng tận nghĩa thú, tham cứu tìm tòi nghĩa vị mười hai phần kinh. Dù đã thông lâu, nhưng việc tụng, đọc hàng ngày cũng không bỏ qua, hàng Thiên Long bát bộ được nghe càng thêm lợi ích. Như Ngài Khuy Cơ mỗi ngày tụng một biến Giới Kinh và Thượng Sanh Kinh.

Mười hai phần kinh ấy là:

1. Trường hàng: (Trung Hoa dịch là Khế kinh) phàm tất cả kinh Như Lai nói ra là văn trường hàng, văn xuôi ấy vậy.
2. Kỳ dạ: (Trung Hoa dịch là Trùng tụng) là tóm yếu văn trường hàng thành kệ tụng.
3. Thọ ký: Phật vì hàng đệ tử Tam thừa mà thọ ký cho họ.
4. Già đà: (Trung Hoa dịch là Cô Khởi) là chẳng phải đọc lại văn trường hàng mà độc lập nói ra gọi là kệ tụng.
5. Ưu đà già: (Trung Hoa dịch là Vô Vấn tự thuyết) nghĩa là không đợi người thỉnh hỏi, mà Phật tự nói (như Kinh Di Đà chẳng hạn)
6. Ni đà gia: (Trung Hoa dịch là Nhơn duyên)
7. Bản sanh: Nói về nhơn hạnh của Bồ Tát, các việc xưa đã làm.
8. Bản sự: Nói những việc các hàng Thanh văn trước đã làm/
9. Phương đẳng: Cũng gọi là Phương quảng, các căn cơ được nghe đều được ích lợi gọi là *Phương*; tứ giáo đều nói gọi là *Đẳng*. Lại nữa, chánh lý là Phương, bao la gọi là Quảng, là nghĩa lý của kinh Đại thừa Phương Đẳng rộng lớn như hư không.
10. Vị tăng hữu: Nói công đức của Tam bảo thật là ít có.

11. Thí dụ: Vì hàng Độn căn, phải mượn thí dụ để mô tả cho họ hiểu
12. Luận nghị: Giải rộng nghĩa lý trong kinh.

Mười hai phần kinh này, hàng Tam thừa đồng học, Đại Tiểu thừa đồng hành trì, nên luật chế Tỳ kheo phải thông hiểu ba Tạng và mười hai phần Kinh, đủ 10 hạ mới cho làm thầy. Giả sử, không thể thông kinh luận, thì Luật Tạng cần phải thông rành. Khai, Giá, Trì, Phạm, Khinh, Trọng các lỗi, hướng chi Bồ Tát Tạng, văn thì uẩn súc, nghĩa lý sâu xa, Quyền và Thật hai Tông, nếu biết qua loa thì làm sao rõ được chỗ uyên thâm cùng tận của Luật? Nếu không thông đạt tông thú, tánh tướng Quyền giáo và Thật giáo mà làm thầy trao giới cho người thì thật nguy hiểm thay!

*Giải*, nghĩa là hiểu ngộ, chẳng phải đọc tụng câu văn, nên không nói là tụng mà nói là hiểu là biết vậy.

*Một câu, một kệ*, đôi với số nhiều trong mười hai phần kinh không có thể giải ngộ, cho đến tối thiểu một câu một kệ cũng không thể lãnh hội và thông hiểu, thì đem pháp nào làm thầy người? Song Như Lai đã nói một lời một chữ mà nhiếp hết vô lượng nghĩa, một câu một kệ mà tóm thâu tất cả Pháp, như một chữ A, biên mục chép còn không hết. Nên Kinh Hoa Nghiêm chép: “Biên Pháp môn vô lượng vô biên, chỉ một lời mà diễn nói không còn sót.”

Sớ ghi: “Nghĩa ở trong vô tự, dù giáo dù nghĩa, hoặc tánh hoặc tâm, đều nhiếp hết.” Nên nói bởi do ý nghĩa vi diệu trong một câu văn nhiếp hết các nghĩa không còn sót, vì một là một của tất cả, một là xứng tánh mà nói. Lại nữa, trong bài kệ “Chư hành vô thường”, nếu hiểu một câu thì thông đạt tất cả pháp, nhưng 2 chữ “*Tịch diệt*” kia, dù vận dụng hết sức lực cũng không thể nào nói được, huống gì biết được thọ dụng của chữ “*Lạc*” ư?

Như xưa, Hòa thượng Giải Thoát được Chư Phật cảm ứng hiện trong hư không, nói kệ rằng: “Pháp của Chư Phật thậm thâm tịch diệt, nhiều kiếp

tu hành nay mới được, nếu có thể mở tâm trí hiểu pháp nhãn này, tất cả Chư Phật đều hoan hỷ”. Hòa thượng liền hỏi: “Pháp Tịch diệt, có thể diễn nói, dạy người được ư?”, Chư Phật liền ản, dùng âm thanh bảo rằng:

*“Phương tiện trí làm đèn,  
Soi thấy tâm cảnh giới,  
Muốn xét pháp chơn thật  
Tất cả đều chẳng thấy.”*

Nếu có thể liễu ngộ kệ này, liền thời rõ suốt Tam tạng giáo điển và mười hai bộ kinh. Bởi vậy, ngài Xá Lợi Phất nghe bài kệ Pháp thân, liền chứng được sơ quả. Ngài Ngu Lộ, ba tháng thọ trì nửa bài tụng, chứng đắc A La Hán, vì các Ni chúng lược nói pháp yếu, đều chứng Thánh quả.

Tổ Huệ Năng nghe câu kệ “Ứng vô sở trụ”, được đốn ngộ tâm tông, hiểu hết các kinh Pháp Hoa, Niết Bàn, thông suốt Bát thức, các luận. Bởi vậy, một câu một kệ, nghĩa kia khó lường, người sơ cơ học không hiểu, sanh tâm khinh thị coi thường, nên kinh Tăng Nhứt A Hàm chép: “Trong một kệ lưu xuất ra 37 phẩm trợ đạo và các pháp môn”. Ngài Ca Diếp hỏi: “Sao gọi là một kệ?” A Nan đáp: “Chư ác mạt tác, chúng thiện phụng hành, tự tịnh kỳ ý, thị chư Phật giáo.”

Kinh Anh Lạc chép: “Đem nghĩa một câu điển nói ra vô lượng Chư Phật Pháp Tạng, hết kiếp này sang kiếp khác, nhẫn đến trăm kiếp, không thể tham cứu cùng tận nghĩa một câu. Nên biết pháp bí yếu của Như Lai không thể nghĩ bàn, hàng tiểu căn tiểu trí không thể lường biết được.

Luật Sao ghi: “Phật dạy, khéo hiểu một chữ gọi là Luật sư, một chữ đó là chữ Luật vậy.” Phải biết một chữ “*Luật*” chính là tông chỉ của Tỳ Ni, nếu ngộ được tông chỉ thì không pháp nào mà không thông đạt, nên nói Luật là khởi nguyên của vạn pháp.

Nhơn Duyên giới Luật, gồm những việc như : Đức Xá Na truyền giới cho ngàn Phật, ngàn Phật lại truyền cho ngàn trăm ức Thích Ca, trước

hết ở Bồ đề Đạo tràng dưới cội Bồ đề và Diệu quang đường nói pháp gì, lần lần đến cung trời Thiên vương nói pháp gì, cho đến từ miệng Phật phóng hào quang, vì các Quốc vương, Vương tử tuyên trao giới pháp, v.v... .

*Mê mắt bốn tâm* gọi là tự mình dối gạt mình, *làm mê lầm người* gọi là dối gạt người khác. Đã là người truyền trao giới pháp cho người khác, mà giới luật chẳng hiểu, tất cả kinh điển giáo pháp cũng không biết, thật là tự mê hoặc mình và người, nên mắc tội. Tội tuy thuộc về khinh cầu nhưng tự dối gạt người khác, lỗi kia thật nặng.

Giới này đối với ba chúng nhỏ và hai chúng Bồ Tát nam nữ tại gia, Phật không chế, do họ không phải là người mẫu mực, chưa thuộc hàng Tăng bảo. Còn Ni giới thì chế sơ lược, do trong giới Thanh văn chỉ cho Tỳ kheo ni làm Tam sư Thất chứng, nhưng vì họ trí cạn, nghe ít, nên không cho phép Ni giới làm thầy truyền giới Bồ Tát.

Kinh Bảo Vân chép: “Đầy đủ 10 pháp thì gọi là Luật sư”. Mười pháp ấy là:

1. Khéo hiểu nhân duyên sanh khởi của Tỳ Ni.
2. Khéo hiểu chỗ thâm thâm của Tỳ Ni.
3. Khéo hiểu việc vi tế của Tỳ Ni.
4. Khéo hiểu việc nào của Tỳ Ni được, việc nào không được.
5. Khéo hiểu tánh trọng giới của Tỳ Ni.
6. Khéo hiểu Tỳ Ni chế giới trọng
7. Khéo hiểu Tỳ Ni chế khởi nhưn duyên.
8. Khéo hiểu Tỳ Ni của Tiểu thừa Thanh văn.
9. Khéo hiểu Tỳ Ni của Bích Chi Phật
10. Khéo hiểu Tỳ Ni của Bồ Tát.

Khi hiểu biết như vậy, làm thầy truyền giới cho người mới không hổ thẹn.

## **Giới thứ 19**

## NÓI LUỖI HAI CHIỀU

*Nếu Phật tử vì ác tâm, thấy thầy Tỳ kheo trì giới, tay bưng lư hương, tu hạnh Bồ Tát, tự đi đâm thọc hai đầu cho sinh sự bất hòa, khinh khi người hiền, tạo nhiều tội ác, Phật tử này phạm tội khinh cầu.*

### Giải thích:

Ghen ghét người hiền lương, chia cắt hai bên, đem lời người này nói với người kia, đem lời người kia nói với người này để phá hoại sự hòa hợp của họ, khiến cho họ tranh cãi với nhau, nên nói là lưỡng thiệt (hai lưỡi) thật chẳng phải thiện tâm, từ tâm của bậc Đại sĩ.

Phỉ báng, khinh khi người hiền, ghen ghét người lương thiện, khiến họ tranh cãi nhau, khiến họ không được an tâm tu tập. Hành động như vậy là ác tâm, chẳng phải hạnh Bồ Tát.

*Tay cầm lư hương*, chính là nêu sơ lược một pháp môn hạnh của bậc Đại sĩ, cũng là tiêu biểu Lục độ vạn hạnh của Bồ Tát, không quên kính Phật và hướng đến Ngũ phần pháp thân.

*Đấu cầu hai bên*, đấu là cãi vã nhau, cầu là gặp nhau. Nghĩa là người có tâm xấu, đến người này nói lỗi người kia, gặp người kia nói xấu người này, khiến cho họ cãi vã nhau, trái với pháp Lục hòa kính, hoặc dựng lên chuyện hư dối, thị phi, phải quấy, khiến họ gây hận với nhau.

*Hai đầu* là hai bên kia đây, dù là lời nói thực, không truyền lời nói kia đây, ở hai bên nói một lời khiến cho họ ly tán, đều phạm tội.

*Báng* là hủy báng, có khi là dối gạt vậy, nghĩa là các thứ hủy báng dối gạt, lăng mạ, dèm pha, tật đố ghen tỵ người hiền lương, nên nói không có tội ác nào mà không tạo, nếu hướng đến người khác nói lỗi quấy của họ, chính là thuộc về giới nói dối Tứ chúng; nếu tự khen mình, chê bai hủy báng người, thuộc về giới Hủy tha, cả hai giới này đều phạm tội trọng.

Giới này chỉ trực tiếp khiến cho hai bên cãi vã, ly gián, nên phạm tội khinh cầu.

Tỳ kheo trì giới chính là xuất gia Bồ Tát giới, đứng đầu trong bảy chúng. Nên biết, nói Tỳ kheo là bao gồm cả bảy chúng, nhân đến ly gián, dèm pha người như vua tôi, quân thân, ly gián tình cha con, anh em, bạn bè, v.v... tất cả đều phạm.

Nếu thấy người nhóm họp, sắp làm việc tội lỗi hoặc ác tri thức, ác bè đảng, làm những điều phi pháp, việc làm không nghĩa lợi, mà phá họ ly tán, sinh ra nhiều phước lợi cho người, thì không phạm.

## Giới thứ 20

### KHÔNG PHÓNG SANH CỨU VẬT

*Là Phật tử, nên vì tâm từ bi mà làm việc phóng sanh. Tất cả nam tử là Cha ta, tất cả nữ nhơn là Mẹ ta, từ nhiều đời ta thường thác sanh nơi đó, vì lẽ ấy nên chúng sanh trong lục đạo đều là Cha mẹ ta, nếu giết chúng để ăn thịt, thì chính là giết Cha mẹ ta và cũng là giết thân chủ của ta. Tất cả chất tứ đại đều là bản thân, bản thể của ta, cho nên thường phải làm việc phóng sanh và khuyên bảo người làm. Nếu lúc thấy người đời sát sanh, nên cứu hộ cho chúng được thoát khỏi nạn khổ, thường đem giới Bồ Tát để giảng dạy, để cứu độ chúng sanh.*

*Nếu ngày Cha mẹ hay anh em chết, nên thỉnh Pháp sư giảng kinh luật Bồ Tát giới, người chết nhờ phước đức ấy hoặc được vãng sanh Tịnh độ ra mắt Chư Phật, hoặc thác sanh trong cõi trời cõi người. Nếu không làm các điều trên đây, Phật tử này phạm tội khinh cầu.*

Giải thích:

Bồ Tát nếu thấy chúng sanh bị nguy nạn mà không phương tiện cứu giúp, thấy tử vong mà không xiển dương đại pháp thì thật là trái với tâm hiếu thuận và đạo từ bi của Phật, Tổ.

Bồ Tát luôn luôn thể hiện tâm từ vô duyên, độ chúng hữu tình, nên làm việc phóng sanh. Người đời chỉ biết cha mẹ hiện tại, vì mê muội nhiều kiếp nên xa lìa thân thuộc, vọng nhận hiện tiền tứ đại sắc thân là thân mình, mê mất trời đất đồng căn nguyên, chỗ chí lý muôn vật đồng thể, nên khởi tâm nhơn ngã, chấp chúng sanh, đua nhau dối gạt, lẫn hiếp nhau rồi ăn nuốt lẫn nhau, chỉ biết tự an thân, không biết cái khổ của người khác. Vì thế họ không có tâm cứu nguy bạt khổ cho chúng sanh để thoát hoạn nạn kia.

Bậc Đại sĩ ngộ được từ vô thủy đến nay, gá thác thọ thân, vào ra khắp các cõi trong Ngũ thú (trời, người, địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh), nên tất cả nam tử, nữ nhơn trong lục đạo đều là Cha mẹ ta, lẽ nào nỡ sát hại để ăn nuốt ư?

Bởi do mê mất pháp thân tự tánh thanh tịnh của mình, chạy theo bóng dáng của lục trần làm tướng của tự tâm. Ngoài thân này ra đâu có vật gì khác để làm cho thân tâm, vì thế ta cùng chúng sanh đồng nhận tứ đại làm thân hình, nên nói bốn thân cũ của ta là đã biết bốn thể thân trước, đâu nỡ tự hãm hại, không thương tâm ư? Phải biết chúng sanh an lạc chính là mình an lạc, nên phải thường làm việc phóng sanh. Tất cả chúng sanh thân tâm chưa không (chưa dứt được bệnh chấp ngã), đâu có thể thoát được khổ sanh tử, nên mãi ở trong tam giới lục đạo hết đời này sang đời khác, thọ sanh không dứt.

Đây là pháp thường trụ, thường hằng không thay đổi, tự mình tỏ ngộ liễu đạt rồi, cũng nên dạy cho người biết cội gốc luân hồi sanh tử không dứt, do mê mất bản tâm, để họ chuyển hóa nội tâm, lần lần tu tập trở về tâm địa bản nguyên sẵn có. Tâm địa ấy là thể tánh bất sanh bất diệt, nên phương tiện giáo hóa, cho họ biết con đường trở về theo hướng tiêm tu. Trước khuyên cho họ phóng sanh tu phước, nếu không có tài vật, nên khuyên hóa người khác mua để cứu thoát sanh vật ấy.

Các khổ nạn đều là thống khổ trời buộc, đánh đập, hành hạ, sát hại, v.v... đến lâm nguy ác nạn. Khuyến hóa người giảng nói Bồ Tát giới để giúp cứu khổ nạn kia thì thân được lợi lạc. Nay giảng thuyết về giới là đem pháp giúp cho tâm an ổn, tức là giải thoát các phiền não, tham, sân, si, v.v... để trở về bản nguyên tâm địa, thật là hạnh lợi tha Đại sĩ cứu độ chúng sanh, không trái bỏ thân thuộc mà thuận theo đạo lý từ bi đồng thể, không trái hạnh nguyện lợi tha, rồi ban pháp vô úy cho chúng hữu tình.

Nếu không tin chúng sanh trong sáu cõi đều là cha mẹ, như Kinh Pháp Cú chép: “Trong thành Xá Vệ có vị trưởng giả, tiền của vô số kể nhưng tâm bòn xén tham lam, không biết bố thí. Hai vợ chồng ngồi với đứa nhỏ ở giữa, cùng ăn thịt gà và thường thường lấy thịt đút vào miệng đứa con. Phật biết vị trưởng giả này có thể hóa độ được, nên hóa thành một vị Sa môn, đứng trước cửa bảo rằng: “Bố thí ít nhiều gì đều được đại phước”, vị trưởng giả nghe nói thế liền mắng rằng: “Ông là Đạo nhơn mà không biết hổ thẹn, đến nhà người ta đang ngồi ăn, sao đường đột vậy?” Vị Sa môn nói: “Ông tự ngu si không biết hổ thẹn” Trưởng giả nói: “Tôi và vợ tôi cùng vui, sao gọi là hổ thẹn?” Sa môn đáp: “Người giết cha, giết mẹ, giết vợ, cung dưỡng oan gia mà không biết hổ thẹn. Thịt gà trên bàn là cha người đời trước, do vì tham lam bòn xén, thường sanh trong loài súc sanh bị người ăn thịt. Đứa trẻ này, về sau làm La-sát, người là khách mua bán, chèo thuyền vào biển, đọa vào cõi nước quỷ La-sát, bị La-sát ăn nuốt. Như thế trải qua 500 đời, thọ mạng hết lại sanh thân khác làm con của người, do các tội kia chưa hết nên lại tiếp tục hại nhau. Người vợ này của người là mẹ người đời trước, do tình ân ái thâm trọng, nay trở lại làm vợ người. Sanh tử luân hồi, xoay quanh Ngũ thú (trời, người, địa ngục, ngã quỷ, súc sanh), ai có thể biết.” Nói rồi Phật liền hiện thần thông khiến cho trưởng giả biết túc mạng, trưởng giả thấy liền sám hối tạ tội và xin Phật thọ năm giới, nhờ Phật nói pháp, ông đã chứng quả Tu-đà-hoàn.

Trước tự giảng nói, là giáo hóa cứu độ chúng sanh, cho đến Cha mẹ nhiều đời. Nay thỉnh người khác giảng nói, là cứu độ thân nhân của mình, hiện đời quyến thuộc và cha mẹ.

Xem giới Luật Đại thừa là giới của Đức Xá Na đã truyền. Bòn nguyên của Chư Phật là cửa ngõ vào cảnh giới Niết bàn, là con đường tắt đến cõi trời người, người hiện tại nghe qua một lần nơi nhĩ căn, vình viển làm Phật chủng, vong nhơn ở chốn tối tăm được phước, vãng sanh về cõi Tịnh độ của Chư Phật, hoặc sanh ở cõi người cõi trời, hưởng phước an vui vô tận. Phải biết công đức diễn giảng giới pháp. ...không có phước nào sánh bằng.

Xưa đời nhà Đường nước Tân La, ngài Tăng Thống Luật sư, giảng giới Bồ Tát bảy ngày đêm ở chùa Hoàng Long, trời mưa nước Cam Lộ, mây lành bao phủ che kín giảng đường, tứ chúng hết sức kinh ngạc, tán thán vì thấy việc chưa từng có. Từ đó mà xét, kẻ còn, người mất đều lợi ích, đâu thể nghĩ bàn.

Đây là tổng kết văn trên, nghĩa là đối với người sống, không cứu giúp nạn nguy khôn, đối với người chết không tiếp độ thân thức họ ra khỏi chốn u đồ, đều phạm câu tội. Giới thứ 39 cũng khuyên giảng nói kinh giáo để cứu độ kẻ còn cũng như người mất, đồng như giới này.

Mười giới như thế phải nên học, hết lòng kính trọng phụng trì, như trong phẩm Diệt Tội, mỗi mỗi đều nói rõ.